

BÀI 2

CẤU TỬ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc

- VB 1: *Nhớ đồng* (Tố Hữu)
- VB 2: *Tràng giang* (Huy Cận)
- VB 3: *Con đường mùa đông* (A-lếch-xan-đơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin)
- Thực hành đọc: *Thời gian* (Văn Cao)

2. Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

3. Viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

4. Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 TIẾT

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC

Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . - HS biết đọc hiểu văn bản thơ trữ tình: + Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học. + Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản. + Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản thơ. + Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ. - HS nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường. - HS viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm. - HS biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ

	thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa) theo lựa chọn cá nhân.
II. PHẨM CHẤT - Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên; biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri thức Ngữ văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 12,13

VĂN BẢN 1: NHỚ ĐỒNG (Tổ Hữu)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện

qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

2. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên.
- Yêu đất nước, sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc.
- Luôn có ý chí, nghị lực để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm tham gia trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi Đuổi hình bắt chữ - Hình thức: HS xung phong tham gia qua các vòng. Vòng 1: Đoán từ ngữ qua các hình ảnh (GV chiếu hình ảnh: Chim sỏ lông, Người bị giam cầm, Cánh đồng, cô gái chèo đò, bầu trời tự do,...) Vòng 2: Sắp xếp từ ngữ tìm thấy theo một trật tự hợp lí. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV gọi HS tham gia trò chơi Đuổi hình bắt chữ (các HS có thể nối tiếp nhau khi thua cuộc). - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - HS trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra HS thắng cuộc trao phần thưởng hoặc cho điểm.	- Các từ ngữ HS có thể tìm: <i>Tự do (bầu trời), nhà tù (song sắt, giam cầm, tù đầy), cánh đồng (bình yên), điệu hò, quyết tâm, sỏ lông (tung cánh, giải thoát, vươn tới bầu trời tự do).</i> - Trật tự sắp xếp: HS lựa chọn theo suy nghĩ cá nhân. VD: <i>Tù đầy -> điệu hò, bình yên -> khát khao vươn tới bầu trời tự do -> quyết tâm -> Tự do.</i>

→GV dẫn vào bài: Đôi khi, chỉ một tiếng hò mà gọi bao nhung nhớ. Và thơ ca là phương tiện diệu kì giúp chuyển tải những xúc cảm mà không có một loại hình nghệ thuật nào có thể thay thế được. Hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau mở cánh cửa trái tim nhờ một bài thơ đặc biệt trong một hoàn cảnh đặc biệt của nhà thơ quen thuộc mà ai cũng biết: Tố Hữu.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu một số yếu tố đặc trưng thơ ca (Cấu tứ thơ, yếu tố tượng trưng trong thơ) và đặc điểm ngôn ngữ văn học.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày, một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: *Đấu trường tri thức*

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi Đấu trường tri thức: + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.54,55 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + Cả lớp là một đấu trường cùng tham gia trò chơi. - GV chuẩn bị bảng có ghi sẵn đáp án: A, B, C hoặc D để HS chọn khi tham gia trả lời câu hỏi. - HS lần lượt tham gia bằng cách giơ đáp án lựa chọn sau khi nghe câu hỏi, người giơ đáp án sai sẽ bị loại khỏi đấu trường (đứng về một phía quan sát người còn lại). Người ở lại đấu trường là người chiến thắng. (HS tham gia trả lời 12 câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20s), cụ thể: Cấu tứ: Câu 1. Ý nào diễn đạt chính xác nhất vai trò của cấu tứ trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng? A. Một khâu quyết định để kết thúc tác phẩm. B. Một khâu trọng yếu để dẫn dắt vấn đề. C. Một khâu then chốt để giải quyết vấn đề. D. Một khâu then chốt, mang tính chất khởi	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Cấu tứ (tứ thơ) - Vai trò: Một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. - Định nghĩa: Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất. - Ý nghĩa, tác dụng: + <i>Tứ</i> đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có <i>tứ</i>, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng - hình ảnh trung tâm.

đầu.

Câu 2. Cấu tứ thơ được hiểu là:

- A. Cách sắp xếp và thể hiện hệ thống hình ảnh trong bài thơ.
- B. Việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ.
- C. Cấu trúc của bài thơ.
- D. Ý tứ của bài thơ.

Câu 3. Vai trò của cấu tứ thơ:

- A. Giúp cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.
- B. Giúp cho toàn bộ ý tứ bài thơ được sắp xếp theo cách hợp lí nhất, tạo được sức hấp dẫn, thú vị cao nhất cho toàn bài.
- C. Giúp cho ý tứ bài thơ được bộc lộ một cách sâu sắc nhất, tạo được sức hấp dẫn cao nhất cho toàn bộ bài thơ.
- D. Giúp cho thế giới quan của nhà thơ được bộc lộ rõ và đến gần hơn với độc giả.

Câu 4. Cấu tứ có thể được đồng nhất với yếu tố nào sau đây?

- A. Cấu trúc bài thơ.
- B. Mạch thơ.
- C. Tứ thơ.
- D. Diễn biến tình cảm của nhà thơ.

Yếu tố tượng trưng trong thơ

Câu 5. Yếu tố tượng trưng trong thơ được hiểu là:

- A. Các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất.
- B. Tính đa nghĩa của hình ảnh, ngôn từ, chi tiết trong thơ.
- C. Ý nghĩa ẩn dụ của một số chi tiết, hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ.
- D. Một số chi tiết, hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ mang hàm ý sâu xa.

Câu 6. Nguồn gốc của yếu tố tượng trưng trong thơ là:

- A. Yêu cầu tất yếu của thể loại thơ ca.
- B. Nhà thơ có trái tim đa sầu, đa cảm, luôn nhìn tạo vật đa diện, nhiều chiều.
- C. Sự tự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi

+ Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

- **Định nghĩa:** Các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất.

- **Các yếu tố tượng trưng trong thơ:** hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

- **Nguồn gốc yếu tố tượng trưng trong thơ:** Sự tự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

- **Đặc điểm những bài thơ có yếu tố tượng trưng:**

+ Các tác giả rất chú ý tô đậm tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,...

+ Phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng hết sức được quan tâm.

+ Hoà trộn cảm nhận của nhiều giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

- D. Tâm hồn nhà thơ là một cõi bí ẩn nhuốm đầy sắc màu tâm linh.

Ngôn ngữ văn học

Câu 7. Ngôn ngữ văn học là:

- A. **Ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học.**
- B. Ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác thơ ca và truyện kí.
- C. Ngôn ngữ biểu đạt giàu tính trữ tình và tính nhạc.
- D. Ngôn ngữ biểu đạt giàu giá trị nghệ thuật.

Câu 8. Nguồn gốc của ngôn ngữ văn học

- A. Là ngôn ngữ bắt nguồn từ văn học dân gian.
- B. Là ngôn ngữ của những nhà thơ, nhà văn tài năng.
- C. **Là ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên.**
- D. Là ngôn ngữ ra đời từ những phút thăng hứng của con người.

Câu 9. Ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ?

- A. Sự tập hợp của ngôn ngữ dân gian.
- B. Sự hòa trộn ngôn ngữ cá nhân nhà văn và ngôn ngữ dân tộc.
- C. Sự biến thiên ngôn ngữ.
- D. **Lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn.**

Câu 10. Ngôn ngữ văn học thể hiện rõ điều gì sau đây?

- A. Tính trữ tình.
- B. Thế giới nội tâm của người viết.
- C. Nhân sinh quan của người viết.
- D. **Cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết.**

Câu 11. Tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học là:

- A. Tính chính xác, tính đa nghĩa,
- B. Tính tạo hình, tính biểu cảm,

3. Ngôn ngữ văn học

- **Định nghĩa:** Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học.

- **Sự hình thành ngôn ngữ văn học:** Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn.

- **Ý nghĩa, tác dụng:** Ngôn ngữ văn học thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết.

- **Tính chất của ngôn ngữ văn học:** Tính hình tượng và tính thẩm mĩ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá,...

- **Tính chất đa nghĩa của ngôn ngữ trong tác phẩm văn học:** Từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

C. Tính hình tượng và tính thẩm mỹ, D. Tính cả thể hoá, tính khoa học... Câu 12. “<i>Từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt</i>” là biểu hiện tính chất gì của ngôn ngữ văn học ? A. Tính chính xác B. Tính đa nghĩa C. Tính biểu cảm D. Tính trừu tượng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu. - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS tham gia trò chơi, ai nhanh và trả lời đúng sẽ ở lại với đầu trường, người chiến thắng là người ở lại lâu nhất. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS trả lời nhanh và đúng.	
--	--

2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Tham gia trò chơi để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS tham gia trò chơi “<i>Đường đời – đường thơ Tố Hữu</i>” dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV chọn 1 HS làm MC dẫn trò chơi (GV tư vấn cho MC hệ thống câu hỏi và GV đóng vai trò trọng tài) tổ chức cho các tổ đại diện nối tiếp nhau trả lời: - Năm sinh – năm mất của nhà thơ Tố Hữu? - Xuất thân của Tố Hữu? - Con đường hoạt động Cách mạng của Tố Hữu?	II. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Tác giả Tố Hữu - Tố Hữu (1920 - 2002) sinh ra và lớn lên trong gia đình Nho học ở Huế, ông sớm giác ngộ cách mạng, hăng say hoạt động và đấu tranh cách mạng, trải qua nhiều lần tù ngục. Tố Hữu liên tục giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của đất nước, đặc trách mặt trận văn hóa văn nghệ. - Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị, gắn bó và phản ánh chân thực những

4. Tại sao thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị? 5. Đặc sắc về hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu? 6. Một số tập thơ tiêu biểu của Tố Hữu? 7. Xác định thể thơ bài <i>Nhớ đồng</i>? 8. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ <i>Nhớ đồng</i>? 9. Bài thơ <i>Nhớ đồng</i> ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt nào? 10. Hãy xác định bố cục của bài thơ <i>Nhớ đồng</i>? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ MC dẫn dắt theo hệ thống câu hỏi, gọi đại diện các tổ HS trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	chặng đường cách mạng, mang đậm tính sử thi, tràn đầy niềm tin ở tương lai, tất cả được thể hiện bằng một hình thức thơ giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng. - Một số tập thơ tiêu biểu: <i>Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa, Một tiếng đờn, Ta với ta ...</i> - Tố Hữu là nhà thơ lớn của dân tộc, là “lá cờ đầu của thơ ca cách mạng” Việt Nam hiện đại. 2. Tác phẩm - Thể loại: Thể thơ 7 chữ - Phương thức biểu đạt chính : Biểu cảm - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: + Xuất xứ: Bài thơ nằm trong phần <i>Xiềng xích</i> của tập thơ <i>Từ ấy</i> + Hoàn cảnh sáng tác: Đang say sưa hoạt động Cách mạng, Tố Hữu bị bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế) - Bố cục: + Phần 1 (9 khổ thơ đầu): Nỗi nhớ da diết cuộc sống bên ngoài nhà tù. + Phần 2 (2 khổ tiếp): Nỗi nhớ về chính mình trong những ngày chưa bị giam cầm. + Phần 3 :(còn lại): Trở lại thực tại trại giam, lòng trĩu nặng với nỗi nhớ triền miên.
---	---

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: ngôn từ, cấu tứ, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

và nội dung của các khổ thơ 1, 4, 7, 13 trong văn bản và chỉ ra "quy luật" phân bố các khổ thơ?

- Hệ thống hình ảnh trong bài thơ biểu đạt được những nội dung gì? Nhận xét cách đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh đó.

- Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong văn bản.

- Nêu suy nghĩ về các hình ảnh đặc sắc được gợi ý từ các thẻ chỉ dẫn trong văn bản; chỉ ra hình ảnh nào mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả trong bài thơ.

Nhóm 3: Tìm hiểu cấu tứ bài thơ

- Từ “đâu” xuất hiện bao nhiêu lần và đóng vai trò gì trong cấu tứ của bài thơ?

- Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình? Nêu cảm nhận của bạn về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận theo định hướng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC cho chương trình *Tiếng nói người yêu thơ: Nhớ đồng – đường đời, đường thơ Tố Hữu*.

- Đại diện HS các nhóm tham gia chương trình (vai khách mời) chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề.

bổ đặc biệt đó đã thể hiện chuỗi tâm tư của nhân vật trữ tình: nhớ quê hương, nhớ đồng đội, suy ngẫm về tình cảnh ngục tù của bản thân trong hiện tại và khát khao tự do cháy bỏng; tất cả trở đi, trở lại thành vòng tròn bất tận, kéo dài không nguôi.

b. Hình ảnh trong bài thơ

- Sự đan cài, phối hợp và sắp xếp các cụm hình ảnh:

+ Hệ thống hình ảnh trong bài thơ biểu đạt nội dung về nỗi nhớ quê hương da diết. Đó là nỗi nhớ bình dị thể hiện qua những hình ảnh rất đời thường mà ta có thể dễ dàng bắt gặp tại bất kỳ một vùng nông thôn Việt Nam tại thời điểm đó. Đây cũng là tình cảm của tác giả đối với quê hương của mình, là sự trân trọng của một người con xa quê tự ý thức được nghĩa vụ của mình phải bảo vệ những thứ bình dị, tuyệt đẹp ấy.

+ Cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh hết sức hợp tình, hợp lý, nỗi nhớ được diễn tả theo trình tự từ bao quát đến cụ thể:

++ Đầu tiên là những sự vật bình dị, gắn bó mật thiết với quê hương như hình ảnh rặng tre, cánh đồng, những mái nhà...

++ Tiếp đến là “hồn thân” – những người dân chất phác đã ngã xuống vì độc lập dân tộc...

=> Trình tự này phù hợp với tâm tư, tình cảm lúc bấy giờ của tác giả: đang bị giam giữ, nhớ về quê hương, về con đường cách mạng mà buồn da diết bởi tình cảnh bị giam, không thể cùng với nhân dân, với anh em đồng chí tiếp tục sự nghiệp cách mạng.

- Việc sử dụng thành công luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm thán:

+ Việc sử dụng luân phiên những câu hỏi (“Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?”; “Vãi giống tung trời những sớm mai?”) gợi lên tâm trạng ngổn ngang của tác giả khi nhớ về quê hương với những hình ảnh quen thuộc, thân thương, gợi khát khao, mong ngóng về một ngày được gặp lại những khung cảnh ấy, để thỏa mãn được nỗi nhớ, tâm tư của tác giả.

	+ Những câu kể cũng được đan xen hết sức tài tình (kể về hình ảnh quê hương trong tâm trí của tác giả: còn đất thơm, những ô mạ xanh, những rặng tre, những xóm nhà tranh...) giúp người đọc hình dung ra được quê hương trong tác giả: giản dị, ấm no và ngập tràn hạnh phúc. + Việc đan xen những câu cảm thán bên cạnh câu kể và câu hỏi giúp làm tăng thêm giá trị biểu cảm của bài thơ, giúp tác giả bộc lộ cảm xúc đang dâng trào với nỗi cồn cào, với tấm lòng yêu nước sôi sục. - Một số hình ảnh thơ đặc sắc: + Hình ảnh “bàn tay ... vãi giống tung trời” → Đó là bàn tay của những người nông dân chất phác hồn hậu đang vất vả trên cánh đồng. Đó là bàn tay gieo trồng lên đất sự giống, gieo cho đời những tình túy yêu thương. Chính họ, chính những người lao động chân chất thôn quê ấy là những người gieo những tia hi vọng vào tương lai. + Hình ảnh “cánh chim buồn nhớ gió mây” → Nỗi nhớ mệnh mang được ví với hình ảnh so sánh: "Như cánh chim buồn nhớ gió mây" đã thể hiện thần tình nỗi nhớ đồng, thực chất là nỗi nhớ quê hương, đồng bào, đồng chí, đồng thời là khao khát tự do mãnh liệt của người chiến sĩ cách mạng đang chịu cảnh tù đầy. Cánh chim đó, cánh chim của tự do, của tình yêu quê hương, cánh chim bay vút lên để đón nhận lí tưởng cao đẹp. =>Những hình ảnh đồng quê đơn sơ, gần gũi quen thuộc hiện lên trong nỗi nhớ của tác giả nhưng đều bị ngăn cách: còn thơm, ruộng tre, ô mạ xanh mon mơn, nương khoai ngọt sắn bùi, chiều sương phủ bãi đồng, xóm làng, con đường thân thuộc, xóm nhà tranh,... - Hình ảnh trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét: + Hình ảnh tiếng hò quê hương: → Cảm hứng của nhà thơ được gợi lên từ một thứ âm thanh đặc biệt - tiếng hò quê hương - gợi nhớ lại làn điệu dân ca xứ Huế mộng mơ, trữ tình. → Tiếng hò vang lên lẻ loi, đơn độc giữa trưa tĩnh
--	--

	lặng, sâu lắng - gợi lên nỗi buồn, hiu quạnh, đồng điệu với cảnh ngộ tâm trạng người tù. + Hình ảnh gợi ra qua từ “đồng”: → Hình ảnh điển hình của nông thôn Việt Nam thời đó – những cánh đồng xanh bất tận, trải dài gợi lên một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân khi mùa màng bội thu. → Từ “đồng” còn để chỉ những người đồng chí, bạn bè, những người cùng chí hướng cách mạng với tác giả. Họ vẫn đang ngày đêm chiến đấu trên các mặt trận. 3. Cấu tứ bài thơ - Sự bố trí có dụng ý của từ “đâu”: → Từ “đâu” xuất hiện 10 lần, trải ra mệnh mông theo nỗi nhớ của nhà thơ. Nó khơi gợi để nhà thơ hồi tưởng và nhớ thương về tất cả những gì đã gắn bó máu thịt với mình. Đôi chân đã bị cùm, đôi mắt đã bị giam hãm bởi bốn bức tường của nhà lao, nhà thơ chỉ còn có thể nghe và cảm nhận bằng tâm hồn nhạy cảm của mình. - Cấu tứ của bài thơ được tạo nên bởi tâm trạng của nhân vật trữ tình khi ở trong nhà ngục của kẻ thù: + Ban đầu là nỗi nhớ của người tù cộng sản về cuộc sống bên ngoài nhà tù (Tiếng hò, cảnh đồng quê, những con người quê hương). + Tiếp đó là dòng hồi tưởng về bản thân trước khi bị vào tù (Những ngày tháng tự do hoạt động cách mạng, những sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày). + Cuối cùng nhân vật trữ tình trở lại thực tại trong nhà giam với những xúc cảm mãnh liệt (Đau buồn, xót thương, nhớ da diết, phẫn uất và căm hờn thực tại). - Tâm tư nhân vật trữ tình và cảm hứng chủ đạo: + Tâm tư nhân vật trữ tình: Đối tượng hướng tới của nhân vật trữ tình là “hồn thân” – là những người nông dân nơi xóm làng gần gũi trong nỗi nhớ nhung, trong dòng hồi ức miên man không dứt, là những người thân yêu đã phải ngã xuống vì
--	--

	độc lập dân tộc... + Sự chuyển biến của cái “tôi”: ++ “Tôi” ở khổ thơ trên là cái tôi trong những ngày lang thang đi tìm chân lí, tìm lí tưởng sống của cuộc đời mình, đứng trước nhiều lựa chọn, không biết đi đâu, về đâu, băn khoăn rồi lại chán nản -> Đó là một cái tôi đang chìm trong đen tối, buồn tủi bởi chưa tìm ra được chân lí của đời mình. ++ “Tôi” ở khổ thơ sau là cái tôi đã tìm cho mình một lẽ sống, được chiếu sáng bởi ánh sáng của mặt trời chân lí, một cái tôi phấn đấu, thực hiện lí tưởng. Đó là một cái tôi đầy vui vẻ, yêu đời, tràn ngập niềm tin vào cuộc sống ẩn sau hình ảnh “con chim cà lơi”. + Tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình: Cái tôi trữ tình dạt dào cảm xúc nhớ thương về quê hương, về đồng bào. Để rồi từ đó càng dậy lên khát khao được tự do, khát khao hành động, khát khao thực hiện lí tưởng đem lại độc lập cho dân tộc, sự no ấm cho quê hương. + Cảm hứng chủ đạo: Bài thơ là tiếng lòng tha thiết với cuộc đời, với cuộc sống tự do, là tình yêu nhân dân, đất nước, là niềm say mê cách mạng của nhân vật trữ tình. => Bài thơ “Nhớ đồng” đánh thức tình yêu quê hương tha thiết, khơi dậy niềm khâm phục, tự hào trước lí tưởng cách mạng, trước tình yêu đất nước, trước khát vọng tự do hành động, hi sinh vì Tổ quốc của người chiến sĩ cộng sản.
--	---

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào?	V. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ là tiếng lòng da diết với cuộc đời, cuộc sống tự do và say mê cách mạng của nhân vật

- Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	trữ tình. - Thể hiện khát vọng tự do, tình yêu nhân dân, đất nước, yêu cuộc sống của chính mình. 2. Nghệ thuật - Sử dụng thành công biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc. - Sử dụng thành công luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm thán. - Giọng thơ đa diết, khắc khoải, sâu lắng. - Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mộc mạc, đời thường mà có ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc7i3TMHFK0ah7-LxlDAiMpVlpHy-OGi_XOvfgWUHOaF9hF1A/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh)

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0
Nội dung	Làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh và thế giới cảm xúc trong bài thơ <i>Nhớ đồng</i> .	
	Chọn được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc.	2
	Nhận diện được thế giới cảm xúc trong bài thơ <i>Nhớ đồng</i> .	2

	Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh và thế giới cảm xúc trong bài thơ <i>Nhớ đồng</i> .	2
	Qua phân tích thấy được vẻ đẹp thơ trữ tình chính trị và tính dân tộc đậm đà của thơ Tố Hữu.	1
	So sánh với những tứ thơ khác để thấy vẻ đẹp riêng.	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Những ngày bị giam hãm trong tù, tâm hồn nhà thơ Tố Hữu luôn hướng ra cuộc sống bên ngoài với tất cả nỗi nhớ thương và tình yêu mến. Tiếng hò ngân dài trên sông nước, văng vẳng lúc gần lúc xa đã làm sống dậy bao hình ảnh của cuộc sống mến thương trong tâm tưởng nhà thơ. Đó là hình ảnh của mảnh đất cắt rốn chôn nhau cùng với những người dân quê lao động lam lũ, vất vả trên đồng ruộng. Đó là bức tranh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt của quê ngoại nhà thơ, một làng nhỏ với những cồn bãi muốt xanh cây trái, có chiếc cầu An Cựu lặng lẽ soi bóng xuống dòng Hương giang lững lờ trôi. Khung cảnh thật đẹp và tình người ấm áp xiết bao! Vậy mà giờ đây, quê hương thân yêu chỉ cách có bức tường nhà lao mà sao xa vời vợi? Những câu hỏi đầy trăn trở cứ lặp đi lặp lại phản ánh nỗi nhớ thương, khắc khoải và hoài vọng đau đáu khôn nguôi. Tất cả những gì gần gũi, thân quen của đời sống đều được Tố Hữu trân trọng miêu tả trong thơ. Tác giả cố gắng bắt lấy những hình ảnh, âm thanh của đời thường nhưng xiết bao gọi cảm đối với bản thân trong chốn lao tù. Giờ đây, nhà thơ chỉ có thể nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy khung cảnh quê hương trong tưởng tượng bằng trái tim chất chứa nỗi nhớ thương.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: HS thực hiện các bài tập vận dụng theo năng lực.

c. Sản phẩm: Sản phẩm sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS:

1. Lập hồ sơ nghiên cứu lịch sử qua thơ Tố Hữu: Sức mạnh Việt Nam trong thời chiến qua thơ Tố Hữu.
2. Vẽ tranh ấn tượng liên quan đến chủ đề bài học.
3. Làm thơ, sáng tác nhạc phẩm,...có liên quan đến bài học.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành những cảm quan thẩm mỹ tích cực cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tràng giang* – Huy Cận (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 14,15

VĂN BẢN 2: TRĂNG GIANG (Huy Cận)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị

thảm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

2. Phẩm chất

- Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên;

- Biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. **Nội dung hoạt động:** Trò chơi “*Câu chữ diệu kì*”

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi “<i>Câu chữ diệu kì</i>” - Hình thức: + GV chọn 2 đội chơi lên bảng (mỗi đội 5 – 7 người) + HS thực hiện trò chơi qua 2 vòng: Vòng 1: Trong 1 phút mỗi đội ghi được nhiều nhất các từ cùng trường nghĩa với các từ: Sông nước, buổi chiều, nỗi buồn. Vòng 2: Trong 2 phút mỗi đội viết được nhiều nhất những câu thơ được gợi ý từ các từ trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV gọi HS tham gia trò chơi “<i>Câu chữ diệu kì</i>” - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động.	- Các từ ngữ HS có thể tìm: + Sông nước: thuyền, bèo, sóng, tôm cá, đánh lưới, bờ sông, mạn thuyền,... + Buổi chiều: phía tây, ráng chiều, tịch dương, mặt trời khuất bóng, ngả bóng,... + Nỗi buồn: man mác, sầu bi, ảo não, nước mắt, tâm trạng nặng nề,... - Một số câu thơ liên quan: - “Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn, Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn.” (<i>Chiều hôm nhớ nhà</i> - Bà Huyện Thanh Quan)

- HS đại diện mỗi đội trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra đội thắng cuộc (hoặc HS khác có nhiều câu trả lời đúng) trao phần thưởng hoặc cho điểm. → GV dẫn vào bài: Cảnh trời đất mênh mông trong buổi chiều tà thường có một ý nghĩa đặc biệt đối với tâm hồn của mỗi người. Hãy đến với <i>Tràng giang</i> của nhà thơ Huy Cận để xem cái mênh mông của đất trời có có tác động như thế nào đến hồn thơ ảo não bơ vơ của người thi sĩ này nhé!	- “Chiều tà bỏ lại phía sau Còn vương chút nắng nhuộm màu nhớ thương.” (<i>Hoàng hôn</i> – Trần Thị Lý) - “Buổi chiều đi lãng ở chân mây, Hoa tím trên sông thoảng điệu gầy.” (<i>Buổi chiều</i> – Xuân Diệu) ...
---	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS tham gia trò chơi “<i>Tiếp sức</i>” dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV trình chiếu kiến thức về tác giả, tác phẩm, yêu cầu HS nối tiếp nhau (tiếp sức) điền các từ bị bỏ trống: 1. Về tác giả: - Huy Cận (...), tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở xã ..., huyện Hương Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Vũ Quang), tỉnh... - Năm 1939, ông ra Hà Nội học ở trường Cao đẳng ... Từ năm 1942, Huy Cận tích cực hoạt động trong ... Sau cách mạng, ông liên tục tham gia..., giữ nhiều trọng trách khác nhau. - Huy Cận là một trong những tác giả xuất sắc của phong trào.... Sáng tác tiêu biểu nhất trước cách mạng tháng Tám là ... Sau cách mạng, ông sáng tác dồi dào và có nhiều..., tìm thấy sự hòa điệu giữa..., tiêu biểu là các tập thơ: <i>Trời mỗi ngày lại sáng</i> (1958), <i>Đất nở hoa</i> (1960)...	I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả Huy Cận - Huy Cận (1919 – 2005), tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở xã Ân Phú, huyện Hương Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh. - Năm 1939, ông ra Hà Nội học ở trường Cao đẳng Canh Nông. Từ năm 1942, Huy Cận tích cực hoạt động trong mặt trận Việt Minh. Sau cách mạng, ông liên tục tham gia chính quyền cách mạng, giữ nhiều trọng trách khác nhau. - Huy Cận là một trong những tác giả xuất sắc của phong trào Thơ mới. Sáng tác tiêu biểu nhất trước cách mạng tháng Tám là <i>Lửa thiêng</i>. Sau cách mạng, ông sáng tác dồi dào và có nhiều đổi mới, tìm thấy sự hòa điệu giữa con người và xã hội, tiêu biểu là các tập thơ: <i>Trời mỗi ngày lại sáng</i> (1958), <i>Đất nở</i>

- Thơ Huy Cận ..., giàu ... tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật.
- Thơ Huy Cận đã tạo được sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp... và vẻ đẹp..., giữa chất... và chất...

2. Về tác phẩm:

- Bài thơ *Tràng giang* rút trong tập ... (tập thơ khẳng định vị trí của nhà thơ trong làng ...).
- Bài thơ là tác phẩm tiêu biểu ... của Huy Cận.
- Bài thơ ra đời từ cảm hứng trong một chiều trên bến ... -... sông ... vào mùa thu năm...
- Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là:...
- Bố cục: ...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lần lượt trình chiếu kiến thức về tác giả, tác phẩm.
- HS tiếp sức cho nhau điền các từ bị bỏ trống.
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

hoa (1960)...

- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật.

- Thơ Huy Cận đã tạo được sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp... và vẻ đẹp..., giữa chất... và chất...

2. Tác phẩm

- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

- + Bài thơ *Tràng giang* rút trong tập *Lửa thiêng* (tập thơ khẳng định vị trí của nhà thơ trong làng Thơ mới).

- + Bài thơ là tác phẩm tiêu biểu trước.

Cách mạng của Huy Cận.

- + Bài thơ ra đời từ cảm hứng trong một chiều trên bến Chèm –Vẽ ở sông Hồng vào mùa thu năm 1939.

- **Phương thức biểu đạt chính:** Biểu cảm

- **Bố cục:** 2 phần.

- + Đoạn 1 (Khổ 1 + 2 + 3): Khung cảnh thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ.

- + Đoạn 2 (Khổ 4): Lòng yêu nước thầm kín của tác giả.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: cấu tứ, ngôn từ, thi liệu, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; hiểu hoàn cảnh, tâm trạng và sự lựa chọn của nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng như tâm trạng chung của một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

- b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip diễn ngâm văn bản <i>Tràng giang</i> (Trần Thị Tuyết diễn ngâm) *Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: Nhóm 1,2: Tìm hiểu cấu tứ bài thơ theo gợi ý sau: - Chú ý điều được gợi mở từ câu thơ đề từ. - Bạn có cảm nhận gì về nhan đề <i>Tràng giang</i>? Nhan đề và lời đề từ liên quan thế nào với nội dung cảm xúc của bài thơ? - Bài thơ đã được cấu tứ như thế nào? Bạn dựa vào đâu để xác định như vậy? - Bài thơ đã giúp bạn có thêm được cảm nhận gì về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên? Nhóm 2,3: Tìm hiểu hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu thơ theo các gợi ý sau: - Hình ảnh xuất hiện ở câu cuối khổ thơ thứ nhất có thể gợi lên những cảm nhận gì? - Thế nào là “sâu chót vót”? - Chú ý đặc điểm chính tả và ngữ âm của từ láy “dợn dợn”? - Chỉ ra sự tương phản giữa các hình ảnh trong	II. Đọc và tìm hiểu chú thích 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chú thích III. Khám phá văn bản 1. Tìm hiểu cấu tứ bài thơ a. Lời đề từ: Điều được gợi mở từ câu thơ đề từ về một âm điệu nhẹ nhàng, xen lẫn nỗi buồn man mác, nỗi nhớ thương trong tâm hồn của con người. b. Nhan đề: - Tràng giang là cách đọc chệch âm của Trường giang nghĩa là sông dài. Tuy nhiên, nhà thơ Huy Cận đã không lựa chọn lối biểu đạt thông thường mà cách tân âm đọc thành Tràng giang để truyền tải nhiều hơn những ý nghĩa, tư tưởng cũng như cảm xúc chủ đạo của bài thơ. - Nhan đề Tràng giang được điệp âm ang, một âm mở nên bên cạnh gợi ý nghĩa về một con sông dài thì Tràng giang mở rộng chiều kích cảm nhận cho người đọc cả về chiều rộng, nhờ vậy mà con sông xuất hiện trong bài thơ trở lên dài, rộng, mênh mông hơn. Tràng giang còn gợi ra một nỗi buồn mênh

khổ thơ thứ hai. Sự tương phản đó có ý nghĩa gì và tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ kế tiếp như thế nào?

- Có thể dùng những từ ngữ nào để chỉ tính chất của khung cảnh được "vẽ" ra trong bài thơ?

- Bài thơ có những điểm khác lạ nào trong cách sử dụng ngôn ngữ. Hãy làm rõ hiện tượng này qua phân tích một ví dụ bạn cho là tiêu biểu.

- Nêu một số thi liệu truyền thống xuất hiện trong văn bản. Việc tác giả sử dụng những thi liệu ấy cho biết thêm điều gì về cấu tứ của bài thơ?

- *Tràng giang* thường được nhìn nhận là bài thơ giàu yếu tố tượng trưng. Bạn suy nghĩ về vấn đề đó như thế nào?

- Bước 2: Sau thảo luận HS các nhóm lựa chọn đại diện lên tham gia cuộc trao đổi ***Bàn tròn văn chương*** với chuyên mục: *Tràng giang - nhìn từ cấu tứ và hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu*.

- GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia.

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS các nhóm tham gia cuộc trao đổi ***Bàn tròn văn chương*** với chuyên mục: *Tràng giang - nhìn từ cấu tứ và hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu* do MC dẫn dắt.

- HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức.

mang của con người khi đứng trước dòng sông.

- Nhan đề và lời đề góp phần nêu lên chủ đề và thể hiện nội dung chính của bài thơ.

c. Cấu tứ:

- *Tràng giang* được cấu tứ trên nền cảm hứng không gian sóng đôi: Có dòng “tràng giang” thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng “tràng giang” tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi.

- Toàn bộ bài *Tràng giang* là một nỗi buồn. Bài thơ gồm bốn khổ thơ giống như bốn bài tứ tuyệt Đường thi, mỗi khổ thơ là một sự triển khai của nỗi buồn đó. Mặc dù trong mỗi khổ thơ, cảnh vật và tâm trạng con người được thể hiện khác nhau ở mức độ nào đó nhưng đều có điểm chung hệ thống trong một chỉnh thể là cảnh sóng nước mênh mang bao la và con người với cái tôi nhỏ bé, mang tâm trạng cô đơn, buồn sầu.

- Bài thơ đã giúp ta có những cảm nhận mới về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên. Đó là một vũ trụ vô cùng vô tận và sự nhỏ nhoi của kiếp người với nỗi sầu thiên cổ. Khi đứng trước không gian vô tận như vậy, con người càng cảm thấy băng khuâng, cô đơn vì nhớ quê hương da diết.

2. Vẻ đẹp của hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu thơ

a. Một số từ ngữ - hình ảnh thơ đặc sắc:

- Hình ảnh “*Củi một cành khô lạc mấy dòng*”: sự vô định, lạc lõng, ngổn ngang

GV nhấn mạnh hiệu quả của nghệ thuật tương phản trong khổ 2:

Sự tương phản giữa một bên là không gian rộng lớn của vũ trụ và bên kia, con người trở nên thật nhỏ bé, cô đơn gợi tâm trạng buồn bã, bất khoan, ngỡ ngàng trước những ngã rẽ của cuộc đời rộng lớn. Đây không phải là nỗi buồn của cá nhân ông mà là cảm xúc chung của cả một thế hệ, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ đầu thế kỉ XX.

GV mở rộng kiến thức và nhấn mạnh sự độc đáo về ngôn ngữ và thi liệu:

- Về ngôn ngữ:

Ví dụ: “Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”: bình thường, câu thơ sẽ là “Bờ xanh lặng lẽ tiếp bãi vàng”. Tác giả đã khéo léo đảo từ láy “lặng lẽ” lên đầu câu nhằm nhấn mạnh sự yên ắng, điều hui, một không gian hui quanh tại những bãi nương dọc bờ sông. Qua đó, giúp người đọc thấy được sự vắng vẻ, hui quanh của cảnh vật hay của lòng người đang hiện hữu qua hình ảnh của cảnh vật.

trong tâm hồn của nhân vật trữ tình.

- “*Sâu chót vót*”: không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).

- “*Dợn dợn*” là một từ láy hoàn toàn. Thường thì người ta sẽ sử dụng từ “*rợn rợn*” để thể hiện cảm giác ghê sợ trong lòng người. Nhưng ở đây, tác giả sử dụng từ “*dợn dợn*” không chỉ gợi cảm giác có điều gì canh cánh trong lòng mà ẩn sau đó là hình ảnh những con sóng nhấp nhô, liên tiếp mở ra muôn trùng trường giang.

- Sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ hai: nắng xuống – trời lên, sông dài – trời rộng – bến cô liêu -> Vũ trụ thì bao la, vô tận -> Con người thì quá nhỏ bé, đơn độc, lẻ loi.

- Sự tương phản này tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ tiếp theo:

+ Khổ thơ thứ ba gợi ảnh vật cô liêu nhưng không có sự gắn kết với nhau, thiếu đi dấu vết của sự sống, của bóng hình con người.

+ Khổ thơ thứ tư gợi cảnh thiên nhiên hùng vĩ nhưng lòng người thì buồn vơi vợi bởi nỗi nhớ quê hương.

- Từ ngữ để chỉ tính chất của khung cảnh trong bài thơ như: *điệp điệp, song song, điều hui, sâu chót vót, dợn dợn, xuống – lên, mênh mông, lớp lớp...* -> điều hui, vắng lặng, mênh mang, ảo não vũ trụ, không gian hoang vắng, buồn da diết, cô đơn, trống vắng,...

b. Độc đáo về ngôn ngữ và thi liệu

- Bài thơ có những điểm khác lạ trong cách sử dụng ngôn ngữ:

+ Sử dụng hệ thống từ láy hoặc điệp âm gợi âm hưởng cổ kính (10 lần/16 dòng thơ, cách ngắt nhịp truyền thống: 3/4):

- Về thi liệu:

Việc sử dụng những thi liệu truyền thống giúp bài thơ mang không khí cổ điển, trầm mặc, thể hiện sự trang nhã trong lời thơ, câu từ của tác giả. Đồng thời, nó cũng góp phần trong việc thể hiện tâm tư, cảm xúc thâm kín của tác giả mang đậm một tâm lòng yêu quê hương, đất nước.

Tràng giang”, “điệp điệp”, “song song”, “lơ thơ”, “đìu hiu”, “chót vót”, “mênh mông”, “lặng lẽ”, “lớp lớp”, “dợn dợn”

-> Những từ láy giàu tính tạo hình, giúp cho lời thơ mềm mại, giàu cảm xúc.

+ Cách dùng và sử dụng những hình ảnh đối lập: *củi một cành >< mấy dòng. Nắng xuống >< trời lên, sông dài, trời rộng bến cô liêu, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

+ Biện pháp nghệ thuật tượng trưng: *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.*

+ Những hình ảnh màu sắc đẹp như: bờ xanh tiếp bãi vàng, mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh, sóng gợn.

+ Khéo léo sử dụng từ ngữ bằng cách đảo tính từ lên đầu câu để nhấn mạnh sự việc, cảnh vật.

- **Thi liệu truyền thống:** đề tài sông nước quen thuộc của thi sĩ xưa; sử dụng từ Hán Việt (tràng giang); thể thơ thất ngôn, tỏ rõ sự suy tư, cảm xúc mênh mông của con người; tứ thơ quen thuộc của thơ cổ lấy cảnh vật để nói về nỗi niềm của con người.

- **Giàu yếu tố tượng trưng:** *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.*

=> Các yếu tố này đều tượng trưng cho nỗi sầu nhân thế của Huy Cận. Nhà thơ mượn thiên nhiên, cảnh vật để bày tỏ nỗi lòng của mình.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
2	Cách thể hiện phong phú, không đơn điệu.		
3	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn.		

4	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nội dung - Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên. - Nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết. 2. Nghệ thuật - Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại. - Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm. - Hình ảnh thơ giàu ý nghĩa tượng trưng,...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) chữ bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ *Tràng giang*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc7i3TMHFK0ah7-LxlDAiMpVlpHy-OGi_XOvfGwUHOaF9hF1A/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0
Nội dung	Lựa chọn được một phương diện nổi bật của bài thơ <i>Tràng giang</i> về mặt nội dung hoặc hình thức nghệ thuật. Phân tích được vẻ đẹp của phương diện đó.	
	Gợi rung cảm thẩm mỹ cho người đọc.	2
	Tái hiện hình ảnh thế giới sinh động, đẹp đẽ.	2
	Thể hiện cá tính sáng tạo của nhà thơ.	2
	Mang những đặc điểm của trào lưu lãng mạn và tinh thần thời đại.	1
	So sánh với những tứ thơ khác để thấy vẻ đẹp riêng.	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Trong bút pháp tạo hình, Huy Cận đặc biệt chú trọng tới việc khai thác những hình ảnh, chi tiết “tả thực”. Các hình ảnh thơ đều là sản phẩm của sự quan sát kỹ lưỡng, tinh nhạy hòa trong tình yêu con người, niềm tự hào thầm kín mà mãnh liệt với mảnh đất này mà nhà thơ có được. Hình ảnh: “Cúi một cảnh khô lác mấy dòng” sẽ còn được nhiều người nhắc đến như một kiểu mẫu trong bút pháp tạo hình. Bởi lẽ, nó không chỉ hay trong cách mà Huy Cận khai thác một thi liệu quen thuộc, gần gũi từ hiện thực đời sống và phương thức tạo hình của Huy Cận độc đáo vô cùng. “Cúi” đã nhỏ bé, khô héo, xơ xác, thế nhưng còn ấn tượng hơn nữa khi Huy Cận liên kết hình ảnh ấy với một loạt những đặc tính đi kèm. Cúi đã bé nhỏ nay nó chỉ có “một cảnh” ít ỏi, rồi lại còn “khô”, cằn cỗi, vậy mà phải lênh dênh, trôi dạt “lác mấy dòng”. Câu thơ dường như không một chữ thừa. Tất cả cùng liên hợp, cộng hưởng ý nghĩa để hình ảnh “cúi” gây ấn tượng mạnh mẽ về sự lẻ loi, đơn độc, bơ vơ và mất phương hướng. Bên cạnh đó, đặt trong bối cảnh chung của khổ thơ đầu, hình ảnh cúi ở câu bốn tạo ra sự tương phản với cái mệnh mông, tí tấp của sông nước, tô đậm sự đơn chiếc, cô lẻ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm tài năng” (Tập 1).

c. Sản phẩm: HS viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về cảnh vật sông nước đẹp mà buồn.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm tài năng” với các hình thức: viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về cảnh vật sông nước đẹp mà buồn.
- Chia lớp thành 2 khu vực: Viết và vẽ.
- Giáo viên cung cấp: giấy, bút vẽ cho tất cả các HS có năng khiếu hội họa.
- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS xung phong thể hiện tài năng.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Con đường mùa đông* - A-lếch-xan-đơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 15,16

VĂN BẢN 3: CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG
A-lếch-xan-đơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản thơ.

2. Phẩm chất

- Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên.

- Biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu video, HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS trải nghiệm cung đường mùa đông	- Thiên nhiên: Rộng lớn, mênh mông, rất trong trẻo, thuần khiết

nơi nước Nga qua video: https://www.youtube.com/watch?v=Q57_zc4ORKM (00:00 – 01:00) Và tinh thần Nga qua Kachiusa: https://www.youtube.com/watch?v=WSqoXRieV8Y (00:20 – 02:30) - HS trả lời câu hỏi: 1. Em cảm nhận gì về thiên nhiên và con người Nga qua những Clip trên? 2. Thử tìm hiểu mối quan hệ giữa thiên nhiên khắc nghiệt Nga và tinh thần Nga vĩ đại? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - HS trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	nhưng khắc nghiệt, dữ dội. - Con người Nga: Kiên cường, dũng cảm, phóng khoáng, thuần hậu. - Mối quan hệ thiên nhiên – con người: Con người mến yêu thiên nhiên nhưng cũng đủ dũng mãnh để vượt qua thiên nhiên khắc nghiệt.
--	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi “*Kể chuyện theo tranh*”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. Về tác giả: - HS tham gia trò chơi “<i>Kể chuyện theo tranh</i>” dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV chiếu cho HS xem những hình ảnh về Puskin (theo gợi ý nội dung sau): + Mặt trời của thi ca Nga. + Tài năng từ nhỏ. + Say mê sáng tác. + Tình yêu.	I. Đọc -Tìm hiểu chung 1. Tác giả - A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 – 1837) là người đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX. - Pu-skin được xem là “mặt trời của thi ca Nga”. - Về nội dung: thơ của Pu-skin thể hiện tâm hồn khao khát tự do và tình yêu của nhân dân Nga. - Về nghệ thuật: Pu-skin có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại. 2. Tác phẩm

+ Đấu tranh cho chân lí. + Đi đây. + Tiếp tục đấu tranh. + Đấu súng. + Biểu tượng của thi ca Nga. - HS chọn một trật tự phù hợp, sắp xếp thành câu chuyện cuộc đời Pu-skin. 2. Về tác phẩm: GV gọi HS trả lời nhanh: - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. - Nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, của tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Thể loại: Thể thơ trữ tình. - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm. - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Tháng 12 năm 1825, một cuộc khởi nghĩa do đông đảo những người trí thức quý tộc tiến bộ lãnh đạo chống lại chế độ nông nô chuyên chế đã nổ ra rộng khắp trên nước Nga. Đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa bị Nga hoàng dập tắt. Vào mùa đông năm ấy, nỗi buồn của riêng nhà thơ nơi đây ảm, nỗi buồn chung của nhân dân sau thất bại của cuộc khởi nghĩa, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những giây phút buồn tủi trong hành trình cuộc sống riêng tư, cũng như của dân tộc, đã trở thành nguồn cảm hứng để Pu-skin sáng tác nên bài thơ <i>Con đường mùa đông</i>.
---	--

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: câu tứ, ngôn từ, thi liệu, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng (1 HS đọc bản dịch nghĩa, 1 HS đọc bản dịch thơ).
- GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đọc văn bản theo yêu cầu.
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét cách đọc của HS.

- GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu clip đọc văn bản

<https://www.youtube.com/watch?v=Srbzc2WDJ1U>

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

***GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể:**

Nhóm 1: Tìm hiểu *Con đường mùa đông - Mạch cảm xúc phong phú của nhân vật trữ tình*:

- Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Sự chuyển biến thời gian, không gian và tâm tư nhân vật

II. Đọc và tìm hiểu chú thích

1. Đọc văn bản

2. Tìm hiểu chú thích

III. Khám phá văn bản

1. *Con đường mùa đông - Mạch cảm xúc phong phú của nhân vật trữ tình*

a. *Con đường mùa đông - Cảm hứng chủ đạo không đơn giản là nỗi buồn*

- Văn bản chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc: buồn - vui, tĩnh - động, sáng - tối, đơn điệu - mới lạ,...trong tuyết lạnh nhưng nhân vật trữ tình vẫn nghĩ về lửa đỏ, mái ấm gia đình hạnh phúc, trong chia ly lại nghĩ đến sum họp, trong xa vắng mà hy vọng về gặp người thương.

- Niềm khao khát ấy khiến cho nhân vật trữ tình không trở nên ủy mị mà lại càng tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận.

=> Nỗi buồn bao trùm cả bài thơ nhưng đó là nỗi buồn trong sáng giúp thanh lọc tâm hồn. Một nỗi buồn mang đậm dấu ấn Pu-skin và rất Nga.

b. *Con đường mùa đông - Sự chuyển biến không gian,*

trữ tình: Xác định không gian, thời gian tâm tưởng của nhân vật trữ tình trong hai khổ thơ 5 - 6. Hãy hình dung nhân vật trữ tình được tận hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn ra sao?

Nhóm 2: Tìm hiểu Con đường mùa đông - Yếu tố tương trưng tạo sức hấp dẫn riêng:

- Nhan đề bài thơ *Con đường mùa đông* gợi cho bạn những liên tưởng gì?

- Những hình ảnh (“trắng”, “cột sọc chỉ đường”) và âm thanh (“tiếng lục lạc”, “kim đồng hồ kêu tích tắc”) trong bài thơ đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông như thế nào?

- Những hình tượng “xe tam mã”, “bài ca của người xa ích”, “mái lều, ánh lửa”, “Nhi-na” có ý nghĩa tinh thần thế nào đối với hành trình của nhân vật trữ tình trên “con đường mùa đông”?

Nhóm 3: Tìm hiểu Con đường mùa đông - Cách cấu trúc hình tượng thơ độc đáo:

+ Nêu nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối. Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn về cách lấy lại cảm giác bình yên trên những “con đường mùa đông” trong cuộc đời.

thời gian tạo mạch diễn biến tâm tưởng của nhân vật trữ tình

- **Chuyển biến không gian:** Trên con đường mùa đông hoang vắng -> bên lò lửa đỏ.

- **Chuyển biến thời gian:** Đêm lạnh lẽo trong hiện tại -> đêm đông ấm cúng yêu thương trong ngày mai.

- **Chuyển biến trong tâm tư nhân vật trữ tình:** Buồn đau nhưng không tuyệt vọng, không bi lụy -> Nhân vật trữ tình liên tục đấu tranh với nỗi buồn bằng cách gọi tên người yêu -> Hy vọng được trở về trong sum họp đầy hạnh phúc. Trong tuyết lạnh mà nghĩ về lò lửa đỏ, mái ấm hạnh phúc gia đình, trong chia li mà nghĩ đến đoàn tụ, trong xa vắng mà hy vọng trở về gặp Nhi-na – người yêu thương.

2. Con đường mùa đông – Yếu tố tương trưng tạo sức hấp dẫn riêng

a. Con đường mùa đông - Nhan đề mang đậm sắc màu biểu trưng

- Nhan đề “Con đường mùa đông” gợi liên tưởng về một con đường cô đơn, vắng vẻ trong mùa đông, một con đường băng giá, mịt mù với cái giá rét cắt da cắt thịt, khiến người đi trên đó cảm thấy đơn độc và thê lương.

- Có lẽ tác giả muốn sử dụng hình ảnh này để miêu tả hoàn cảnh hiện tại của bản thân mình, một cảm giác cô đơn, lạnh lẽo và đầy đau khổ.

b. Con đường mùa đông – Chuỗi những hình ảnh âm thanh mang tính biểu tượng.

- **Những hình ảnh “trắng” và “cột chỉ đường”** gợi không gian hun hút vô tận, xa thẳm, mông lung, quạnh quẽ: ánh trắng mờ và cánh đồng xa.

- **Âm thanh “tiếng lục lạc” và “kim đồng hồ kêu tích tắc”** chỉ âm thanh lục lạc đơn điệu buồn tẻ, tiếng đồng hồ kêu tích tắc như một kỉ vật nhắc nhở bao hoài niệm thương yêu.
=> **Những hình ảnh mang tính vật chất, cụ thể ấy đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông:**

+ Hình ảnh và âm thanh diễn tả nhà thơ đắm chiêu cảm nhận cảnh vật trong sự mơ màng và xúc động. Bao dăm

+ Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ 4. Nhân vật trữ tình xuất hiện ở khổ thơ này có còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa không? Vì sao?

Nhóm 4: Tìm hiểu Con đường mùa đông - Sức hấp dẫn từ cấu tứ độc đáo:

- Bạn có nhận xét gì về cấu tứ của bài thơ? Hãy liên hệ với một bài thơ khác có kiểu cấu tứ này mà bạn biết.

***Sau thảo luận, HS các nhóm lựa chọn đại diện lên tham gia buổi sinh hoạt CLB người yêu thơ Puskin với chuyên mục: Con đường mùa đông – Yếu tố tượng trưng trong một tứ thơ lạ**

- GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia.

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS các nhóm tham gia buổi sinh hoạt **CLB người yêu thơ Puskin** với chuyên mục: **Con đường mùa đông – Yếu tố tượng trưng trong một tứ thơ lạ** do MC dẫn dắt.

- HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

đường xa đã vượt qua, người lữ khách không chỉ buồn mà còn mệt mỏi. Trong không gian như vậy, nhân vật trữ tình nghĩ tới mái ấm gia đình hạnh phúc, trong chia ly lại nghĩ đến sum họp, trong xa vắng mà hy vọng về gặp người thương.

+ Niềm khao khát ấy khiến cho nhân vật trữ tình không trở nên ủy mị mà lại càng tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận.

- *Những hình tượng “xe tam mã”, “bài ca của người xà ích”, “mái lều, ánh lửa”, “Nhi-na”* có ý nghĩa như điểm tựa nâng đỡ tâm hồn người lữ khách một đêm trăng mờ sương trên con đường mùa đông tuyết trắng:

+ *Hình tượng “xe tam mã”, “bài ca của người xà ích”* gợi lên những nét thân thiết, quen thuộc với tâm hồn Nga. Làm đầy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt.

+ *Hình tượng “mái lều, ánh lửa”* gợi mái ấm hạnh phúc gia đình.

+ *“Nhi-na”* - Nhà thơ nhắc đến tên người yêu để cô xua đi một phần nào nỗi buồn, nỗi cô đơn.

3. Con đường mùa đông – Cách cấu trúc hình tượng thơ độc đáo:

a. Con đường mùa đông – Sự bố trí hình ảnh theo kiểu đầu cuối tương ứng đầy dụng ý:

- Những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối được lặp lại để diễn tả sâu hơn tâm trạng người lữ hành, từ mơ tưởng trở về thực tại, với con đường mùa đông lạnh lẽo, con đường đi đầy với nỗi buồn xa vắng cô đơn.

- Để lấy lại cảm giác bình yên trên những “con đường mùa đông” trong cuộc đời, chúng ta có thể suy nghĩ về những điều tốt đẹp mà ta hướng tới, nghĩ về những điều làm điểm tựa tâm hồn như gia đình, tình yêu,...

b. Con đường mùa đông – Một loạt tương phản có ý nghĩa

- Những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ 4:

+ Không một ánh lửa, không một mái lều / Rừng sâu và tuyết bao la.

+ Những cột sọc chỉ đường / ngược chiều tôi.

- Nhân vật trữ tình xuất hiện ở khổ thơ này tuy vẫn buồn man mác nhưng đã không còn quá chìm đắm trong cảnh vật u buồn nữa. Nhà thơ đã quay lại và nhìn ngắm, cảm nhận

GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm (theo Rubric 1-bên dưới) và phân trình bày của HS, chốt kiến thức.	cảnh vật hiện tại trước mắt mình, đã biết tìm kiếm ngôi lều và ánh lửa giữa khu rừng bao la, lấy lại động lực để tìm kiếm một nơi an trú, sưởi ấm cho tâm hồn đã mỏi mệt của mình. Giữa khu rừng rộng lớn, có lẽ cũng giống như tâm hồn tác giả được mở rộng hơn trước, lạc quan đón chờ tương lai. Đặc biệt là hình ảnh cột dài cây số đang chào tác giả chứng tỏ tác giả đã bớt cô đơn hơn và sẵn sàng tiếp tục hành trình mới đang gọi mời.
GV có thể khơi gợi để HS tìm những bài thơ có cấu tứ tương tự. - Một số bài thơ khác có cấu tứ như trên: “Đoàn thuyền đánh cá” - Huy Cận; “Màu tím hoa sim” - Hữu Loan,...	4. Con đường mùa đông – Sức hấp dẫn từ cấu tứ độc đáo - Cấu tứ của bài thơ: Các hình ảnh về “con đường mùa đông” và những hình ảnh trong tâm tưởng nhà thơ “trắng, lò sưởi, mái lều, ánh lửa,...” đều lặp đi lặp lại, tạo kết cấu đầu cuối tương ứng cho bài thơ. Hình ảnh con đường mùa đông cô đơn, lạnh lẽo, từ “buồn” xuất hiện với tần số rất cao tô đậm ấn tượng về “Con đường mùa đông”- con đường lưu đày, là con đường ly biệt...

Rubric 1. Đánh giá hoạt động nhóm

Cấp độ Tiêu chí	Tốt (4 điểm)	Khá (3 điểm)	Trung bình (2 điểm)	Cần điều chỉnh (1 điểm)
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến

				chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nội dung - <i>Con đường mùa đông</i> là sự băn khoăn pha chút lo lắng của nhà thơ đối với cuộc đời và đất nước. - Tuy lắng sâu trong nỗi buồn nhưng nhân vật trữ tình vẫn tìm được điểm tựa tinh thần cho chính mình, không để bị chìm sâu trong nỗi buồn riêng của bản thân, trong nỗi buồn chung của đất nước. 2. Nghệ thuật - Cấu tứ độc đáo với sự đối xứng, tương phản về hình ảnh. - Bài thơ là chuỗi những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng độc đáo.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ *Con đường mùa đông*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc7i3TMHFK0ah7-LxIDAiMpVlpHy-OGi_XOvfgWUHOaF9hF1A/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric 2.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric 2 (ở nhà).

Rubric 2. Đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0
Nội dung	Lựa chọn một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng đặc sắc trong bài thơ <i>Con đường mùa đông</i> .	
	Chọn được hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng đặc sắc.	2
	Nhận diện được ý nghĩa tượng trưng đặc sắc của hình ảnh đó.	2
	Chỉ ra được vẻ đẹp của hình ảnh đó, vai trò, ý nghĩa tác dụng của nó trong toàn bài thơ.	2
	Qua phân tích thấy tài năng độc đáo của nhà thơ Pu-skin.	1
	So sánh với những hình ảnh thơ khác để thấy vẻ đẹp riêng.	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Nhân vật trữ tình cảm tưởng cuộc đời chàng sao phiến muộn và không có nhiều hy vọng, hệt cảnh “**cỗ xe tam mã**” lao đi trong đêm vắng lặng trên con đường mùa đông. **Chiếc xe tam mã** và người lữ hành như bị bao vây bởi rừng sâu và tuyết trắng; những cột cây sồi hữu hình mà vô cảm đang chạy ngược chiều... Pu-skin đã “vẽ” lên một bức tranh thủy mặc với gam màu đen trắng: ánh trắng trắng, tuyết trắng, mặt trắng trắng, sương trắng trên cái nền đen sẫm của rừng. Trên con đường mùa đông kéo dài tưởng chừng như vô tận, “**cỗ xe tam mã băng đi**” - một cỗ xe “Nga”, vô cùng thân thiết với tâm hồn Nga còn có cả khúc nhạc dịu êm, du dương: tiếng lục lạc đơn điệu buồn tẻ, khúc hát dân ca của người xà ích “Nhu niềm vui mừng khôn xiết/ Như nỗi buồn nặng trĩu hiu”, làm dấy lên trong lòng lữ

khách một nỗi buồn dịu ngọt. Kết thúc bài thơ vẫn là tiếng: “Nhạc ngựa đều đều buông xa thẳm”, gieo vào lòng người một nỗi buồn da diết, khôn nguôi. Không gian đêm trên “con đường mùa đông” tĩnh lặng, hiu quạnh. Những âm thanh khe khẽ tuy giúp cho bức tranh cự mình nhưng lại làm nổi bật cái im lìm của đêm đông. Trên cái nền thiên nhiên trong trẻo, thanh khiết, đẹp chân thực mà hoang liêu vô cùng, **cỗ xe tam mã** độc hành sao cô đơn đến vậy?

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm tài năng” (Tập 2).

c. Sản phẩm: HS viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa được gợi ý từ bài thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Tổ chức cuộc thi “**Tìm kiếm tài năng**” với các hình thức: viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa được gợi ý từ bài thơ.
- Chia lớp thành 2 khu vực: Viết và vẽ.
- Giáo viên cung cấp: giấy, bút vẽ cho tất cả các HS có năng khiếu hội họa.
- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS xung phong thể hiện tài năng.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc. *Thời gian* – Văn Cao (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

THỰC HÀNH ĐỌC

HS tham khảo thêm

THỜI GIAN (VĂN CAO)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản thơ.

2. Phẩm chất

- Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên.

- Biết nâng niu trân trọng cái đẹp, nghệ thuật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS xem một bức tranh đẹp, nghe một bản nhạc, đọc một bài thơ; HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem một bức tranh đẹp, nghe một bản nhạc, đọc một bài thơ.
- Hãy tìm từ khóa chung cho bức tranh, bản nhạc, bài thơ trên?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 3 – 5 HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ Dự kiến trả lời và dẫn vào bài:

- Từ khóa: Cái đẹp, tác phẩm nghệ thuật, sức sống của cái đẹp,...
- GV: Thời gian có thể phá hủy tất cả, nhưng thời gian cũng chính là nhân chứng khẳng định sự bất tử của cái đẹp, của nghệ thuật. Tác phẩm của Văn Cao là minh chứng cho điều đó: *Thời gian*.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học, vị trí và tầm ảnh hưởng; thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập) - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả. - Xác định: Thể loại, xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục,... của tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV chia nhóm yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, thiết kế bản trình chiếu về tác giả Văn Cao và tác phẩm <i>Thời gian</i> ở nhà. - GV hướng dẫn đại diện HS thuyết trình trước lớp... Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày nhanh 1 phút về tác giả và tác phẩm. - HS nhận xét lẫn nhau.	I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả Văn Cao - Văn Cao tên đầy đủ là Nguyễn Văn Cao, tác giả của <i>Tiến quân ca</i> – quốc ca của nước Việt Nam. - Được nhận xét là hình mẫu thiên tài, bởi tài năng nghệ thuật của ông rất đa dạng và phong phú mang tính tổng hợp cao giữa hội họa - âm nhạc - văn chương. - Văn Cao là người có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nền tân nhạc Việt Nam. - Thơ ông tuy số lượng không nhiều nhưng luôn thể hiện một phong cách nghệ thuật độc đáo. 2. Tác phẩm - Thể loại: Thể thơ tự do.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

+ Bài thơ *Thời gian* ra đời vào mùa xuân Đinh Mão (tháng 2/1987) khi Văn Cao tuổi đã xế chiều, ông để lại phía sau cuộc đời mình biết bao trải nghiệm vui buồn. Bài thơ giúp ông giải bày những tâm sự về cuộc sống, về nghệ thuật, về tình yêu sau một chặng đường dài đầy thăng trầm, biến cố...

+ Bài thơ in trong *Tuyển tập Văn Cao - Thơ* (1994)

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

- Bố cục: 2 phần

+ Phần 1 (4 câu thơ đầu): Sức tàn phá của thời gian.

+ Phần 2 (3 câu cuối): Những điều có sức sống mãnh liệt, trường tồn với thời gian.

2.2. Đọc hiểu văn bản**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được: đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ; tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ.

- Phân tích và đánh giá được suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian, nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu HS các nhóm đọc và tìm hiểu văn bản, cụ thể: Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ. Nhóm 2: Tìm hiểu tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ. Nhóm 3: Tìm hiểu suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian, nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng. - Sau thảo luận, HS các nhóm lựa chọn đại diện lên	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ - Đặc điểm thể loại: Thơ tự do - Cấu tứ: + Bắt đầu từ quy luật của thời gian: trôi “qua kẽ tay”. -> mang theo sự lụi tàn của sự vật, cảnh vật và thậm chí cả con người. + Tác giả lần ngược lại những

tham gia số tiếp theo của chương trình: **Bàn tròn văn chương**.

- GV hướng dẫn HS thực hiện cuộc trao đổi **Bàn tròn văn chương** với chuyên mục: *Thời gian – Thi phẩm xanh mãi cùng thời gian*.

- GV chọn và tư vấn cho MC dẫn chương trình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm, kết quả được ghi lại vào giấy A0 và sổ tay đại diện tham gia chuyên mục: **Bàn tròn văn chương**

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS các nhóm tham gia cuộc trao đổi **Bàn tròn văn chương** với chuyên mục: *Thời gian – Thi phẩm xanh mãi cùng thời gian* do MC dẫn dắt.

- HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức các nội dung HS đã tìm hiểu và trình bày.

- GV nhấn mạnh một thêm một số nội dung:

+ Tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ

=> Qua những hình ảnh tượng trưng, ta hiểu ra một triết lý nhân sinh sâu sắc: thời gian có thể làm lụi tàn, phai mờ đi một số sự vật, kỷ niệm nhưng đứng trước cái đẹp, tình yêu của con người thì luôn trường tồn theo thời gian và năm tháng.

=> Mỗi người tự nghiệm lại đời mình, tự cảm đời mình cũng là một cách hiểu thời gian của Văn Cao.

điều đẹp để vẫn còn sống mãi, vẫn luôn “còn xanh”. Đó là sự trường tồn của vẻ đẹp, của sức sống vĩnh cửu nơi những câu thơ, những bài hát – biểu hiện của tình yêu, của cái đẹp.

2. Tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ

- Hình ảnh “Thời gian qua kẽ tay”: Gọi liên tưởng đến sự tương phản giữa cái hữu hình và vô hình, cái hữu hạn và vô hạn.

→ Thời gian không vô hình mà là một khối vật chất có thể cân đo đong đếm, có thể cầm được trên tay.

- “Khô những chiếc lá”, “Rơi những kỷ niệm”: Gọi lên liên tưởng về sự lụi tàn, mờ nhạt của sự vật theo thời gian như lá rơi vào mùa thu, kỷ niệm quá lâu dần bị con người lãng quên.

→ Hình tượng ẩn dụ có tính khái quát cao hé mở một góc nhìn về thời gian và cuộc sống nghiệt ngã của đời người mà ai cũng phải trải qua, đây là quy luật của sinh và tử.

- Phép so sánh kỉ niệm như tiếng sỏi: Những viên sỏi kỷ niệm đã hiện về nhưng không để lại âm thanh gì vì lòng giếng đời người đã cạn. Khi lòng giếng bị lấp đầy cũng là lúc kỷ niệm biến mất cùng khói sương.

- “Câu thơ còn xanh”, “bài hát còn xanh” → liên tưởng về sự trường tồn của những giá trị nghệ thuật theo thời gian.

- “Đôi mắt em như hai giếng nước” → hình ảnh đẹp tượng

+ Suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian:

Bài thơ cho chúng ta thấy ý nghĩa nhân sinh tưởng như bình thường mà không phải ai cũng nhận biết được khi con người luôn đắm chìm trong quá nhiều tham vọng của cuộc sống... Ý niệm về thời gian trong bài thơ của Văn Cao, vì thế mang tư tưởng hiện sinh tích cực.

+ Suy ngẫm của tác giả về nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng:

Trong dòng chảy nghiệt ngã của thời gian, mọi sự vật, hiện tượng có thể lụi tàn và tan biến vào hư không. Nhưng có những giá trị không thể mất mà mãi mãi “còn xanh”, đó là những giá trị thuộc về nghệ thuật và tình yêu.

trung cho người con gái mà tác giả yêu thương, nó cũng luôn tồn tại cùng với thời gian đó là sự đẹp đẽ và tình yêu của con người.

→ Thời gian làm khô chiếc lá đời người nhưng lại làm tươi xanh chiếc lá thơ, chiếc lá nhạc.

3. Suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian, nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng

- Về bản chất của thời gian:

+ Thời gian qua đi là miên viễn không bao giờ trở lại. Sự nghiệt ngã ấy chính là bi kịch của phận người, con người không thể nào nắm giữ, níu kéo được thời gian.

+ Sức tàn phá của thời gian là không thể phủ nhận. Như cây thay lá mỗi khi đến mùa thu, thời gian làm mờ nhạt bao kỷ niệm... đó là sự tàn phá khốc liệt của thời gian lên sự vật. Cái vô tận của nó luôn khiến con người đôi khi cảm thấy sợ hãi bởi nó cũng không chừa một ai cả.

- Nghệ thuật và tình yêu: Những giá trị thuộc về nghệ thuật và cái đẹp được kết tinh từ *những câu thơ, những bài hát* và đặc biệt là từ *đôi mắt em*.

-> Nghệ thuật và tình yêu luôn khác biệt và luôn vượt lên mọi thứ tầm thường, tự thân nó luôn mang một sức mạnh trường tồn, vĩnh cửu bởi nó là hiện thân của cái đẹp.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung: Văn bản khẳng định về đẹp, sức sống vĩnh cửu của những câu thơ, những bài hát; thể hiện niềm tin của tác giả về sự trường tồn của những giá trị tinh thần của cuộc đời. 2. Nghệ thuật: Văn Cao dùng các hình thức ngôn từ mang nhiều tầng nghĩa tượng trưng kết hợp với các biện pháp tu từ và đặc biệt là cách ngắt dòng, ngắt nhịp sáng tạo mới lạ để nêu lên vấn đề về thời gian trong cuộc sống của con người.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) chữ bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một hình ảnh thơ nổi bật trong bài thơ *Thời gian* – Văn Cao.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết đoạn văn ở nhà, có thể làm trực tiếp qua đường link.

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSdifqpf0-MCBKwL1u14mfgzUiFI4q1vhiq6cRz-iYPjL_HuIQ/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm tài năng” (Tập 3)

c. Sản phẩm: HS viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về thời gian.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS xem một số clip về thời gian.

<https://www.youtube.com/shorts/PyovWNOkmR8>

<https://www.youtube.com/watch?v=uuGwxRwzJto>

- Tổ chức cuộc thi “**Tìm kiếm tài năng**” với các hình thức: viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về thời gian.

- Chia lớp thành 2 khu vực: Viết và vẽ.

- Giáo viên cung cấp: giấy, bút vẽ cho tất cả các HS có năng khiếu hội họa.

- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS xung phong thể hiện tài năng.

- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.

- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề trong và ngoài nước.

- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt. Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 18

**MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG:
ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG**

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

- HS biết thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt đồng thời chú trọng các hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để phục vụ cho hoạt động giao tiếp một cách hiệu quả, thú vị, hấp dẫn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.

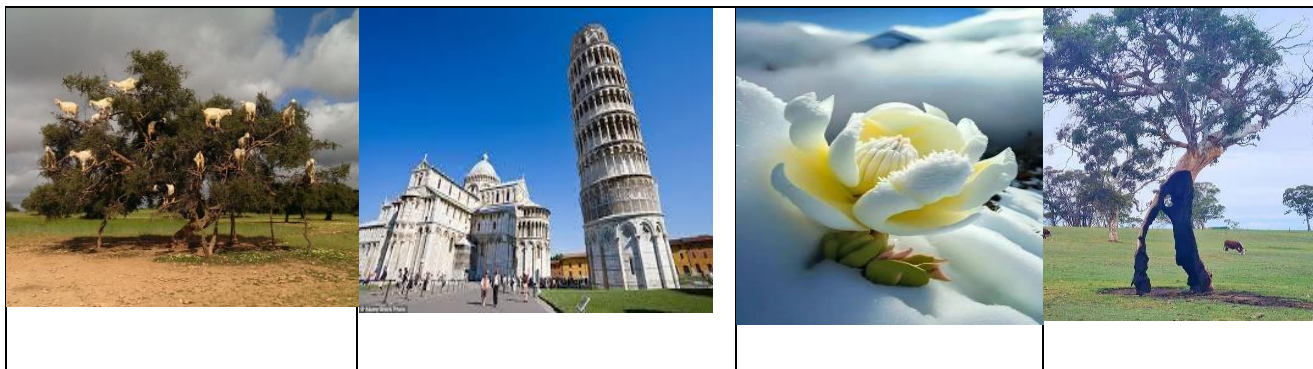
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:





Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: GV hướng dẫn HS xem các hình ảnh (ở trên). Nhiệm vụ 2: HS thực hiện các yêu cầu: - Tìm từ diễn tả điểm chung của những bức tranh đó. - Nhận xét về những hình ảnh đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi thảo luận cặp đôi tìm từ và suy nghĩ cá nhân bày tỏ quan điểm về những hình ảnh vừa quan sát. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: <i>Trong thực tế cuộc sống, chúng ta chứng kiến nhiều hiện tượng không tuân theo quy luật mà lại tạo ra những điều bất ngờ, độc đáo, thậm chí là nghệ thuật. Ngôn ngữ thông thường cũng vậy, khi phá vỡ những quy tắc sẽ đem lại những tác dụng kì diệu nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời cho chúng ta: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.</i>	* Từ ngữ diễn tả điểm chung của những bức tranh đã cho: - Phá vỡ quy tắc. - Vượt qua định luật. - Bất quy tắc. - Chống lại quy luật thông thường. - Phi thường. - Độc đáo. - Đặc biệt. * Nhận xét về những hình ảnh đã cho (HS thể hiện suy nghĩ cá nhân)

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- HS biết thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi tham gia trò chơi *Ai nhanh ai đúng?* để nhận diện được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường và vận dụng làm bài tập SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS					Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi <i>Ai nhanh, ai đúng?</i> GV viên chia lớp thành 4 đội chơi: Vòng 1: Các đội có thời gian tối đa 3 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành việc nối cột trên giấy khổ lớn.					I. Nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường (Bảng nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường) - bên dưới. II. Thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng 1. Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới: Hiện tượng tạo ra kết hợp từ trái logic “ <i>buồn điệp điệp</i> ” ở dòng mở đầu bài thơ <i>Tràng giang</i> – Huy Cận. - Từ láy “ <i>điệp điệp</i> ” vốn được dùng để chỉ những sự vật có số lượng nhiều và nối tiếp nhau như núi trùng trùng điệp điệp → chỉ những ngọn núi nhấp nhô nối tiếp nhau từ dãy núi này đến dãy núi khác. - Ở đây, tác giả sử dụng từ “ <i>điệp điệp</i> ” không phải để chỉ sự vật mà để chỉ nỗi buồn của nhân vật trữ tình. => Tác giả đã tạo ra cách kết hợp từ trái với logic để diễn tả nỗi buồn kéo dài bất tận miên man theo chiều thời gian lẫn không gian. 2. Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập: hiện tượng cung cấp nét nghĩa mới cho cụm từ “ <i>sâu chót vót</i> ” trong bài thơ <i>Tràng giang</i> . - <i>Chót vót</i> là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. - Cảm giác <i>sâu chót vót</i> là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu.
STT	Ngữ liệu	Nối	STT	Dạng phá vỡ quy tắc	
1	Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều (Xuân Diệu, <i>Vội vàng</i>)		a	Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới	
2	Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya (Xuân Diệu, <i>Buồn trắng</i>)				
3	Lắt léo cành thông cơn gió thốc (Hồ Xuân Hương, <i>Đeo Ba Dội</i>)		b	Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện	
4	Vừa thoáng tiếng còi tàu Lòng đã Nam đã Bắc (Xuân Quỳnh, <i>Sân ga chiều em đi</i>)				
5	Mấy chùm		c	Cung cấp	

	<i>trước giậu hoa năm ngoài</i> (Nguyễn Khuyến, Thu vịnh)			nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập	=> Tác giả cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ để gợi lên không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).
6	-Non xanh ngây cả buổi chiều - Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia (Huy Cận, Thu rừng)				3. Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện: việc sử dụng hình thức đảo ngữ trong hai dòng thơ (trích <i>Tràng giang</i> – Huy Cận) - Theo lẽ thường, dòng thơ có thể là: Còn nhỏ lơ thơ gió điệu hiu/ Tiếng làng xa đâu còn vì chợ chiều đã vãn. - Ở đây tác giả sử dụng hình thức đảo ngữ: đảo từ “lơ thơ” và từ “đâu” lên đầu mỗi dòng thơ. + Còn cát thì trở lên điệu hiu, vắng vẻ, heo hút càng nhấn mạnh sự cô đơn, chán nản, buồn tẻ cho nhân vật trữ tình. + Những tiếng chợ vãn đã gợi bao tiêu điều, xơ xác, thế mà từ để hỏi “đâu” lại còn được đặt lên đầu câu càng nhấn mạnh tiếc nuối, ngóng trông vô vọng bóng dáng con người. => Nỗi buồn thăm kín ẩn sâu trong tâm hồn của một cái tôi cô đơn giữa đất trời, vũ trụ bao la rộng lớn.
7	<i>Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em</i> (Tế Hanh, <i>Hà Nội vắng em</i>)		d	Bổ sung chức năng mới cho dấu câu	4. Phá vỡ quy tắc khi sử dụng dấu câu: giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ <i>Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa</i> - Dấu hai chấm không chỉ đơn thuần để ngắt câu, để giải thích ý thơ mà nó còn được tác giả bổ sung chức năng mới với dụng ý nghệ thuật sâu sắc diễn tả hai hình ảnh đối lập nhau: + Một bên là cánh chim nhỏ bé. + Một bên là buổi chiều bát ngát đang sa xuống. -> Con chim lẻ loi, đơn độc như đang
8	<i>Cột đèn róm điện Là chiều Bích Câu</i> (Lê Đạt, <i>Chiều Bích Câu</i>)				

Vòng 2:

Nhóm 1:

- Thảo luận về hiện tượng tạo ra kết hợp từ trái logic “*buồn điệp điệp*” ở dòng mở đầu bài thơ *Tràng giang*.
- Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê.

Nhóm 2:

- Thảo luận về hiện tượng cung cấp nét nghĩa mới cho cụm từ “*sâu chót vót*” trong bài thơ *Tràng giang*.
- Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê.

Nhóm 3:

- Thảo luận về việc sử dụng hình thức đảo ngữ

trong hai dòng thơ (trích <i>Tràng giang</i>): <i>Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,</i> <i>Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều</i> - Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài <i>Tì bà</i> của Bích Khê. Nhóm 4: - Thảo luận về giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ “<i>Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa</i>” - Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài <i>Tì bà</i> của Bích Khê. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện trình bày hoặc thuyết trình sản phẩm. - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét hoàn thiện sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức.	mang một gánh nặng, ấy là một bóng chiều đang xuống trĩu nặng ưu sầu, ảo não vô biên. => Tâm trạng của một lũ thứ tha hương mang một nỗi buồn thương sâu sắc giữa vũ trụ bất tận, khôn cùng. 5. Sức hấp dẫn của những vần thơ chứa vẻ đẹp của sự phá cách: lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài <i>Tì bà</i> của Bích Khê - Ở bản in thơ năm 1939 có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường: + Tác giả bỏ sung chức năng mới cho dấu chấm than ở câu thơ thứ nhất “Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng”. + Thông thường dấu chấm than dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc kết thúc câu cầu khiến. + Ở trong câu thơ này, dấu chấm than chia câu thơ làm hai vế, vừa để bộc lộ cảm xúc, vừa như có ý để hỏi, như băn khoăn, như ngỡ ngàng như thực như mơ rằng có phải chính buồn vương cây ngô đồng đã khiến thu mệnh mông theo lá vàng rơi. + Ở bản in năm 1988, người dịch đã bỏ dấu chấm than đi và để câu thơ thành “Ô hay buồn vương cây ngô đồng” -> nỗi buồn không còn mơ hồ, hư hư ảo ảo mà hiện hình rõ nét với những miên man, mệnh mông bao trùm lên tạo vật.
---	--

Bảng nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

STT	Ngữ liệu	Nói	STT	Dạng phá vỡ quy tắc
1	<i>Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều</i> (Xuân Diệu, <i>Vội vàng</i>)		a	Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới
2	<i>Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ</i> <i>Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya</i> (Xuân Diệu, <i>Buồn trắng</i>)			
3	<i>Lắt lẻo cành thông con gió thốc</i>		b	Sử dụng hình thức

	(Hồ Xuân Hương, <i>Đèo Ba Dội</i>)			đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện
4	<i>Vừa thoáng tiếng còi tàu</i> <i>Lòng đã Nam đã Bắc</i> (Xuân Quỳnh, <i>Sân ga chiều em đi</i>)			
5	<i>Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái</i> (Nguyễn Khuyến, <i>Thu vịnh</i>)		c	Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập
6	<i>Non xanh ngây cả buổi chiều</i> <i>- Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia</i> (Huy Cận, <i>Thu rừng</i>)			
7	<i>Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em</i> (Tế Hanh, <i>Hà Nội vắng em</i>)		d	Bổ sung chức năng mới cho dấu câu
8	<i>Cột đèn róm điện</i> <i>Là chiều Bích Câu</i> (Lê Đạt, <i>Chiều Bích Câu</i>)			

(Đáp án: 1,7-a, 3,5-b, 4,8-c, 2,6-d)

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kĩ năng giải quyết vấn đề trong thực tế.

- Vận dụng sự hiểu biết về sự phá cách để nhận diện và hiểu được vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca.
- Vận dụng sự phá cách trong thực hành viết văn, làm thơ.
- Vận dụng sự phá cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày để đạt hiệu quả cao nhất.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm các ngữ liệu thơ ca chứa sự phá cách, thử phân tích vẻ đẹp của sự phá cách.
- Thành lập CLB sáng tác thơ ca.
- Trao đổi các kĩ năng giao tiếp.

c. Sản phẩm:

- Sổ tay giao tiếp, sổ tay văn học.
- Sản phẩm sáng tạo thơ ca của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà) Nhóm 1: Tạo sổ tay giao tiếp (bằng cách sưu tầm và ghi lại những sự phá cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Nhóm 2: Tạo sổ tay văn học (bằng cách tìm các ngữ liệu thơ ca chứa sự phá cách, thử phân tích vẻ đẹp của sự phá cách). Nhóm 3: Tạo sổ tay sáng tác (bằng cách cập nhật các sản phẩm thơ ca chứa sự phá cách của CLB sáng tác thơ ca). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm) Các nhóm trao đổi, thu thập thông tin, suy nghĩ hoàn	Sản phẩm thực tế của các nhóm được cập nhật theo quy định (theo ngày hoặc theo tuần)

thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm theo từng tuần hoặc tạo sổ tay điện tử cập nhật hằng ngày có sự chọn lọc và kiểm duyệt sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	
---	--

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

VIẾT

Tiết: 19,20

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;...).

- Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh).

- Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.

- Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.

Thực hành viết

- HS biết cách viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp, giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá.

- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh dòng sông yên bình, hiền hòa. - GV hỏi: + Em biết câu thơ nào, bài thơ nào viết về đề tài trên? + Những câu thơ, bài thơ đó có giống nhau không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS (Gợi ý từ những kiến thức đã học hoặc đã đọc, nghe). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Từng nhiều lần viết bài nghị luận về một tác phẩm thơ, hẳn các em đã quen với một số thao tác viết cơ bản mà kiểu bài đòi hỏi. Hôm nay, với kiểu bài xác định trọng tâm là tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ, chúng ta sẽ cần phải thực hiện quy trình viết như thế nào? Hãy cùng nhau đến với bài học để trải nghiệm.	- Tác phẩm viết về dòng sông: <i>Nhớ con sông quê hương</i> - Tế Hanh, <i>Dòng sông của anh, dòng sông của em</i> - Lai Vũ, <i>Vàm Cỏ Đông</i> - Hoài Vũ,... - Mỗi tác phẩm hay theo cách riêng (HS thể hiện quan điểm cá nhân).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài****a. Mục tiêu:**

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết văn bản nghị luận về một tác thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS hiểu được ứng dụng của bài viết văn bản nghị luận về một tác thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ đã học ở CT lớp 10.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu	Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm	Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận phân

trong SGK/66 và thảo luận về các vấn đề: Câu 1: Một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm) cần đáp ứng những yêu cầu gì? Câu 2: Những yêu cầu này khác gì so với những yêu cầu trong một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ em đã học ở lớp 10? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm): - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;...). - Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh). - Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng. - Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.  Thiên về một số khía cạnh tác phẩm	tích, đánh giá một tác phẩm thơ - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá). - Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...) - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh..  Đánh giá tổng thể tác phẩm
--	--	---

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 67 - 69 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi:

- Xác định trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết:

+ Bài thơ đã được giới thiệu như thế nào?

+ Cấu tứ và tính chất khái quát của hình ảnh trong bài thơ đã được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào?

- Sơ đồ hóa mạch triển khai các ý.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài tham khảo.

- HS trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ câu trả lời.

- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức.

Bài viết tham khảo: Bài thơ “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch – Nguyễn Thị Bích Hải

* Trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết:

1. Giới thiệu về bài thơ

Bài thơ được giới thiệu bằng cách giải thích nhan đề: “*Tĩnh dạ tứ*” thuộc đề tài “*nguyệt dạ tư hương*” thường gặp trong thơ Đường.

2. Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ và định hướng phân tích, đánh giá

Đêm yên tĩnh trên đường lữ khách, tình quê hương ngổn ngang muôn lối; nhà thơ chớp lấy một cảm giác sai lạc, tức cảnh sinh tình, viết một bài thơ tuyệt diệu.

3. Phân tích, đánh giá từng phần của bài thơ

Phân tích theo bố cục của bài thơ.

4. Chú ý làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết

- Ánh trăng vào tận phòng cho biết đêm sâu, nhân thấy ánh trăng rọi sáng đầu giường rõ ràng là người không ngủ.

- Nhà thơ ngẩng đầu ngắm trăng sáng vì thấy trăng như thấy “cố tri”.

- Nhà thơ gặp lại trăng như gặp lại người quen, thấy trăng mà sinh ra nỗi nhớ.

- Ánh trăng làm xót xa lòng người, nỗi nhớ quê nhà trĩu nặng đã khiến mái đầu cúi xuống.

- Chủ đề của bài thơ “tư hương” nhưng lại dành đến ba câu tả trăng, đến câu tâm niệm “tư cố hương” thì liền dừng lại.

5. Đánh giá chung

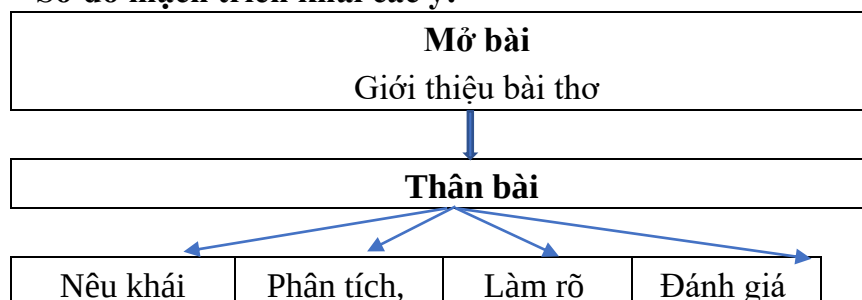
- Lấy cái vô tình nói tình thì tất tình hiện ra, lấy cái vô ý tả ý thì ý chân thật.

- Ở đây “lấy cái vô tình” là dùng đến ba câu để tả trăng. “Lấy cái vô ý” tức là động tác “cử đầu” và “đê đầu” đều như phản xạ tự nhiên, “vô ý”, do sự “điều khiển” tự nhiên gần như vô thức.

6. Kết luận

“*Tĩnh dạ tứ*” có tính chất tự nhiên, chân thực, đầy hàm ý

* Sơ đồ mạch triển khai các ý:



	quát cấu tứ của bài thơ	đánh giá từng phần của bài thơ	tính khái quát của hình ảnh, chi tiết	chung
	Kết luận			

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																					
* Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1. Đề bài tham khảo: Đề bài 1: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ <i>Tràng giang</i> - Huy Cận. Đề bài 2: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ <i>Nhớ đồng</i> - Tố Hữu. Đề bài 3: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ <i>Con đường mùa đông</i> - A. Pu – skin. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, điền câu trả lời vào phiếu 1(cột bên). Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần trình bày của HS. * Tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm: Từ những chỉ dẫn, gợi mở từ phần Chuẩn bị viết, hãy tìm ý và lập dàn ý bằng cách hoàn	1. Chuẩn bị viết: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 <table><tr><th colspan="2">Hướng dẫn</th><th>Trả lời</th></tr><tr><td colspan="2">1. Bạn ấn tượng về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ nào?</td><td></td></tr><tr><td rowspan="3">2. Xem xét bài thơ ở góc độ cấu tứ và hình ảnh</td><td>a. Cấu tứ bài thơ có gì đặc biệt?</td><td></td></tr><tr><td>b. Hình ảnh trong bài thơ mang vẻ đẹp độc đáo nào?</td><td></td></tr><tr><td>c. Cấu tứ và hình ảnh thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả?</td><td></td></tr></table> 2. Tìm ý, lập dàn ý: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 Phiếu tìm ý <table><tr><th>Các ý cần tìm</th><th>Yêu cầu cụ thể</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr><tr><td>Giới thiệu chung về tác</td><td>Bài thơ của ai, được sáng tác trong hoàn cảnh nào, xuất bản ở đâu, từng được đón nhận ra sao?</td><td></td></tr></table>			Hướng dẫn		Trả lời	1. Bạn ấn tượng về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ nào?			2. Xem xét bài thơ ở góc độ cấu tứ và hình ảnh	a. Cấu tứ bài thơ có gì đặc biệt?		b. Hình ảnh trong bài thơ mang vẻ đẹp độc đáo nào?		c. Cấu tứ và hình ảnh thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả?		Các ý cần tìm	Yêu cầu cụ thể	Kết quả thảo luận	Giới thiệu chung về tác	Bài thơ của ai, được sáng tác trong hoàn cảnh nào, xuất bản ở đâu, từng được đón nhận ra sao?	
Hướng dẫn		Trả lời																				
1. Bạn ấn tượng về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ nào?																						
2. Xem xét bài thơ ở góc độ cấu tứ và hình ảnh	a. Cấu tứ bài thơ có gì đặc biệt?																					
	b. Hình ảnh trong bài thơ mang vẻ đẹp độc đáo nào?																					
	c. Cấu tứ và hình ảnh thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả?																					
Các ý cần tìm	Yêu cầu cụ thể	Kết quả thảo luận																				
Giới thiệu chung về tác	Bài thơ của ai, được sáng tác trong hoàn cảnh nào, xuất bản ở đâu, từng được đón nhận ra sao?																					

thành phiếu học tập số 2,3 (cột bên). - Nhóm 1,2 hoàn thành phiếu HT số 2. - Nhóm 3,4 hoàn thành phiếu HT số 3. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS. *Viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn. GV lưu ý: - HS cần dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết. Khi cần, có thể đảo trật tự ý đã có hoặc bổ sung ý mới nảy sinh trong quá trình viết. - Chú ý nêu những cách nhìn nhận khác nhau (nếu có) về cấu tứ của bài thơ trước khi trình bày ý kiến riêng. Có thể vẽ sơ đồ cấu tứ của bài thơ để người đọc dễ nhận biết. - Khi nêu hàm nghĩa của các hình ảnh, chi tiết trong bài thơ, cần tránh cách diễn đạt mang tính khẳng định một chiều (vì hình ảnh thơ vốn đa nghĩa, có thể gợi những cách cảm nhận, lý giải khác nhau), nên dùng những từ thể hiện thái độ thận trọng khi nhận xét, bày tỏ cảm nhận riêng như <i>phải chăng, có thể hiểu (nghĩ) là,...</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Cá nhân HS viết bài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận	giả, tác phẩm		
	Giới thiệu vấn đề nghị luận	Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Những phương diện nào của bài thơ sẽ đề cập?	
	Đánh giá từng khía cạnh cụ thể của vấn đề nghị luận	Đánh giá ban đầu về từng khía cạnh của vấn đề nghị luận	Ở từng phương diện nói trên, giá trị của bài thơ đã được thể hiện ra sao? Câu thơ, chi tiết, hình ảnh nào chứng tỏ điều đó? Có những kết quả nghiên cứu, phê bình nào đáng chú ý về vấn đề sẽ được triển khai ở bài viết?
		Tìm hiểu, đánh giá cấu tứ của bài thơ	- Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện dựa trên ý tưởng cơ bản nào? Điều gì đã làm cho ý tưởng ấy được thể hiện một cách sinh động? - Có thể nêu nhận định khái quát gì về cấu tứ của bài thơ? Nhận định này có gì khác biệt so với những nhận định từng có và đã bao quát hết mọi yếu tố cấu thành của bài thơ chưa? - Với cách cấu tứ đã nêu, bài thơ thể hiện được phát hiện riêng gì của nhà thơ về thế giới và con người?
	Tìm	- Bài thơ có những	

GV nhận xét, chấm điểm theo **Rubric đánh giá bài viết** (bên dưới)

	hiểu, phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ	hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có thể gợi cho người đọc ấn tượng, liên tưởng gì? - Có thể nhìn nhận như thế nào về logic kết nối các hình ảnh trong bài thơ với nhau? Cái tứ của bài thơ đã chi phối điều này ra sao? - Theo mạch triển khai của bài thơ, giữa các hình ảnh có sự vận động phát triển nào đáng chú ý? - Có thể nói gì về những hàm nghĩa của các hình ảnh trong bài thơ? Sự chuyển hoá về ý nghĩa của các hình ảnh đã được thể hiện ra sao?	
	Đánh giá khái quát vấn đề nghị luận	Bài thơ đã tác động đến bạn như thế nào? Qua khám phá tác phẩm cụ thể này, bạn tích lũy được kinh nghiệm gì về việc đọc một văn bản thơ nói chung?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Phiếu Lập dàn ý

Hướng dẫn	Thực hành
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng	

	chúng theo một trật tự logic.	
	3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - <i>Mở bài</i>: Giới thiệu chung về bài thơ và xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết. - <i>Thân bài</i>: Cần triển khai các ý: + Cảm giác chung mà câu tứ cùng những hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ gợi cho người đọc. + Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ (thực hiện những so sánh cần thiết để chỉ ra được sự khác biệt). + Những khả năng hiểu (cắt nghĩa) khác nhau đối với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ (cần nêu cụ thể). + Điều được làm sáng tỏ qua việc đọc thẩm dò và thử nghiệm các cách đọc khác nhau với bài thơ. + Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ. - <i>Kết bài</i>: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.	
	3. Viết: Vẽ đẹp câu tứ và hình ảnh trong bài thơ <i>Tràng giang</i> - Huy Cận (Tham khảo dàn ý bên dưới).	

DÀN Ý THAM KHẢO:

Vẽ đẹp câu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang* – Huy Cận

1. Mở bài

- Giới thiệu chung về bài thơ *Tràng giang*: Một thi phẩm tiêu biểu của phong trào Thơ mới, đánh dấu tên tuổi của nhà thơ Huy Cận. Bài thơ ca ngợi thiên nhiên tạo vật với nỗi buồn ảo não, mệnh mang.
- Xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận: Vẽ đẹp bài thơ được gợi lên từ câu tứ và hình ảnh thơ.

2. Thân bài: Cần triển khai các ý:

a. Về đẹp cấu tứ thơ

- Cấu tứ bài thơ được mở ra ngay từ nhan đề *Tràng giang*:

+ *Tràng giang* là cách đọc chệch âm của *Trường giang* nghĩa là sông dài. Tuy nhiên, nhà thơ Huy Cận đã không lựa chọn lối biểu đạt thông thường mà cách tân âm đọc thành *Tràng giang* để truyền tải nhiều hơn những ý nghĩa, tư tưởng cũng như cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

+ Nhan đề *Tràng giang* được điệp âm *ang*, một âm mở nên bên cạnh gợi ý nghĩa về một con sông dài thì *Tràng giang* mở rộng chiều kích cảm nhận cho người đọc cả về chiều rộng, nhờ vậy mà con sông xuất hiện trong bài thơ trở lên dài, rộng, mênh mông hơn. *Tràng giang* còn gợi ra một nỗi buồn mênh mang của con người khi đứng trước dòng sông.

- *Tràng giang* được cấu tứ trên nền cảm hứng không gian sóng đôi:

+ Có dòng “tràng giang” thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng “tràng giang” tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi.

+ Toàn bộ bài *Tràng giang* là một nỗi buồn. Bài thơ gồm bốn khổ thơ giống như bốn bài tứ tuyệt Đường thi, mỗi khổ thơ là một sự triển khai của nỗi buồn đó. Mặc dù trong mỗi khổ thơ, cảnh vật và tâm trạng con người được thể hiện khác nhau ở mức độ nào đó nhưng đều có điểm chung hệ thống trong một chỉnh thể là cảnh sông nước mênh mang bao la và con người với cái tôi nhỏ bé, mang tâm trạng cô đơn, buồn sầu.

- Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ: So sánh với một số bài thơ *Nhớ con sông quê hương* – Tế Hanh, *Dòng sông của anh, dòng sông của em* – Lai Vu, *Vàm Cỏ Đông* – Hoài Vũ:

+ *Tràng giang*: Từ cảnh sông nước mênh mang mà khắc sâu cái cô lẻ, hoang vắng bằng cách thêm hình ảnh, thêm sắc màu cho bức tranh sông nước nhưng lại cố tình xóa mờ đi bóng dáng con người, để rồi cuối cùng chỉ còn lại là cái đơn côi, bé nhỏ như cánh chim chiều của lũ khách giữa đất trời vô tận.

+ *Nhớ con sông quê hương* - Tế Hanh: Dòng sông trở về trong kí ức gắn với tuổi thơ, những kỉ niệm thơ bé lần lượt hiện ra, cuối cùng kết đọng lại là tình yêu thiết tha với quê hương đất nước

+ *Dòng sông của anh, dòng sông của em* - Lai Vu: Từ dòng sông tự nhiên đã trở thành dòng sông tâm tưởng của đôi lứa yêu nhau.

+ *Vàm Cỏ Đông* - Hoài Vũ: Từ dòng sông cụ thể nơi một vùng đất hướng tới muôn dòng sông lịch sử, chứa chở sức mạnh chiến đấu và tinh thần dân tộc thiêng liêng.

b. Về đẹp của hình ảnh thơ

- Hình ảnh “*cành củi khô – lạc mấy dòng*”: sự vô định, lạc lõng, ngổn ngang trong tâm hồn của nhân vật trữ tình -> Tâm trạng của tác giả như một cành củi khô đang chơi vơi, không biết đi đâu về đâu mà cứ quanh quẩn trong những dòng suy tư trầm kín.

- *Sâu chót vót*: không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).

- “Dợn dợn” là một từ láy hoàn toàn. Thường thì người ta sẽ sử dụng từ “rợn rợn” để thể hiện cảm giác ghê sợ trong lòng người. Nhưng ở đây, tác giả sử dụng từ “dợn dợn” không chỉ gợi cảm giác có điều gì canh cánh trong lòng mà ẩn sau đó là hình ảnh những con sóng nhấp nhô, liên tiếp mở ra muôn trùng trường giang.

- Sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ hai: nắng xuống – trời lên, sông dài – trời rộng – bến cô liêu -> Vũ trụ thì bao la, vô tận -> Con người thì quá nhỏ bé, đơn độc, lẻ loi

-> Sự tương phản giữa một bên là không gian rộng lớn của vũ trụ, có nắng, có trời, có sông gợi lên một sự hùng vĩ, bao la, mênh mông của vũ trụ và bên kia, con người trở lên thật nhỏ bé, cô đơn -> tâm trạng buồn bã, băn khoăn, ngơ ngác trước những ngã rẽ của cuộc đời rộng lớn. Đây không phải là nỗi buồn của cá nhân ông mà là cảm xúc chung của cả một thế hệ, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ đầu thế kỉ XX.

- Sự tương phản này tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ tiếp theo:

+ Khổ thơ thứ ba gợi ảnh vật cô liêu nhưng không có sự gắn kết với nhau, thiếu đi dấu vết của sự sống, của bóng hình con người.

+ Khổ thơ thứ tư gợi cảnh thiên nhiên hùng vĩ nhưng lòng người thì buồn vơi vợi bởi nỗi nhớ quê hương.

- Bài thơ có những điểm khác lạ trong cách sử dụng ngôn ngữ:

+ Sử dụng hệ thống từ láy hoặc điệp âm gợi âm hưởng cổ kính (10 lần/16 dòng thơ, cách ngắt nhịp truyền thống: 4/3): “Tràng giang”, “điệp điệp”, “song song”, “lơ thơ”, “đìu hiu”, “chót vót”, “mênh mông”, “lặng lẽ”, “lớp lớp”, “dợn dợn” -> Những từ láy giàu tính tạo hình, giúp cho lời thơ mềm mại, giàu cảm xúc.

+ Cách dùng và sử dụng những hình ảnh đối lập: cúi một cảnh >< mấy dòng. Nắng xuống >< trời lên, sông dài, trời rộng bến cô liêu, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

+ Biện pháp nghệ thuật tượng trưng: cúi một cảnh khô lác mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.

+ Những hình ảnh màu sắc đẹp như: bờ xanh tiếp bãi vàng, mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh, sóng gợn.

+ Tác giả đã rất khéo léo trong việc sử dụng từ ngữ bằng cách đảo tính từ lên đầu câu để nhấn mạnh sự việc, cảnh vật. Điều đó ta có thể thấy rõ qua câu thơ “Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”. Theo bình thường, câu thơ sẽ là “Bờ xanh lặng lẽ tiếp bãi vàng”. Tác giả đã khéo léo đảo từ láy “lặng lẽ” lên đầu câu nhằm nhấn mạnh sự yên ắng, đìu hiu, một không gian hiu quạnh tại những bãi nương dọc bờ sông. Qua đó, giúp người đọc thấy được sự vắng vẻ, hiu quạnh của cảnh vật hay của lòng người đang hiện hữu qua hình ảnh của cảnh vật.

- Thi liệu truyền thống có thể kể đến trong bài thơ: đề tài sông nước quen thuộc của thi sĩ xưa; sử dụng từ Hán Việt (tràng giang); thể thơ thất ngôn, tỏ rõ sự suy tư, cảm xúc mênh mông của con người; tứ thơ quen thuộc của thơ cổ lấy cảnh vật để nói về nỗi niềm của con người.

-> Tác dụng: việc sử dụng những thi liệu truyền thống giúp bài thơ mang không khí cổ điển, trầm mặc, thể hiện sự trang nhã trong lời thơ, câu từ của tác giả. Đồng thời, nó cũng góp phần trong việc thể hiện tâm tư, cảm xúc thầm kín của tác giả mang đậm một tấm lòng yêu quê hương, đất nước.

- Bài thơ *Tràng giang* giàu yếu tố tượng trưng: *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa* => Các yếu tố này đều tượng trưng cho nỗi sầu nhân thế của Huy Cận. Nhà thơ mượn thiên nhiên, cảnh vật để bày tỏ nỗi lòng của mình.

c. Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ

-> Bài thơ đã giúp ta có những cảm nhận mới về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên. Đó là một vũ trụ vô cùng vô tận và sự nhỏ nhoi của kiếp người với nỗi sầu thiên cổ. Khi đứng trước không gian vô tận như vậy, con người càng cảm thấy băng khuâng, cô đơn vì nhớ quê hương da diết.

3. Kết bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (câu tứ và hình ảnh).

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (câu tứ và hình ảnh).

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận phân tích vẻ đẹp câu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Thời gian* - Văn Cao, *Từ ấy* - Tố Hữu.

- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 21

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,...).

- Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm.

- Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.

- Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem review phim, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS xem review phim nhà thờ Đức Bà Paris: https://www.youtube.com/watch?v=DdzK4eccNrg (05:43 – 08:10) Em có biết tác phẩm này không (dạng phim, dạng truyện, dạng kịch,...)? Em hãy giới thiệu cho các bạn chưa biết? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	- Đây là một phân cảnh trong phim “<i>Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà Paris</i>” - Vic-to Huy-go. - HS giới thiệu tác phẩm phim, truyện theo hiểu biết cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe về một tác phẩm nghệ thuật (thơ, truyện, bản nhạc, bộ phim, bức tranh,...).

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình đúng yêu cầu và quy trình về một tác phẩm nghệ thuật.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* CHUẨN BỊ 1. NGƯỜI NÓI a. Yêu cầu Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc phần yêu cầu của bài giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật, gạch chân các từ khóa, xác định các yêu cầu người nói cần nắm được. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, trao đổi theo cặp ghi ra giấy các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận	I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE 1. Người nói a. Yêu cầu - Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,...). - Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm. - Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu. b. Quy trình thuyết trình Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn) ghi ra giấy quy trình. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu. 2. NGƯỜI NGHE Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Theo em, người nghe cần chuẩn bị những gì khi nghe bài giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân ghi ra giấy theo suy nghĩ của mình. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi HS trình bày 1 phút kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.	- Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật. b. Quy trình thuyết trình - Lựa chọn đề tài Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó. - Tìm ý và sắp xếp ý + Tìm ý: <table><tr><th>STT</th><th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr><tr><td>1</td><td>Tên tác phẩm</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Tác giả</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Địa chỉ tìm kiếm</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Nội dung tác phẩm</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Sự độc đáo về hình thức tác phẩm</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Thông điệp từ tác phẩm</td><td></td></tr><tr><td>7</td><td>Ý nghĩa của tác phẩm</td><td></td></tr><tr><td>8</td><td>Sự đóng góp của tác phẩm</td><td></td></tr></table> + Sắp xếp ý: Nhận diện → Tìm hiểu → Đánh giá → Đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận phù hợp. 2. Người nghe - Tìm hiểu trước về nội dung của bài. - Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi. - Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng.	STT	Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận	1	Tên tác phẩm		2	Tác giả		3	Địa chỉ tìm kiếm		4	Nội dung tác phẩm		5	Sự độc đáo về hình thức tác phẩm		6	Thông điệp từ tác phẩm		7	Ý nghĩa của tác phẩm		8	Sự đóng góp của tác phẩm	
STT	Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận																										
1	Tên tác phẩm																											
2	Tác giả																											
3	Địa chỉ tìm kiếm																											
4	Nội dung tác phẩm																											
5	Sự độc đáo về hình thức tác phẩm																											
6	Thông điệp từ tác phẩm																											
7	Ý nghĩa của tác phẩm																											
8	Sự đóng góp của tác phẩm																											

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe.

b. Nội dung: Thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

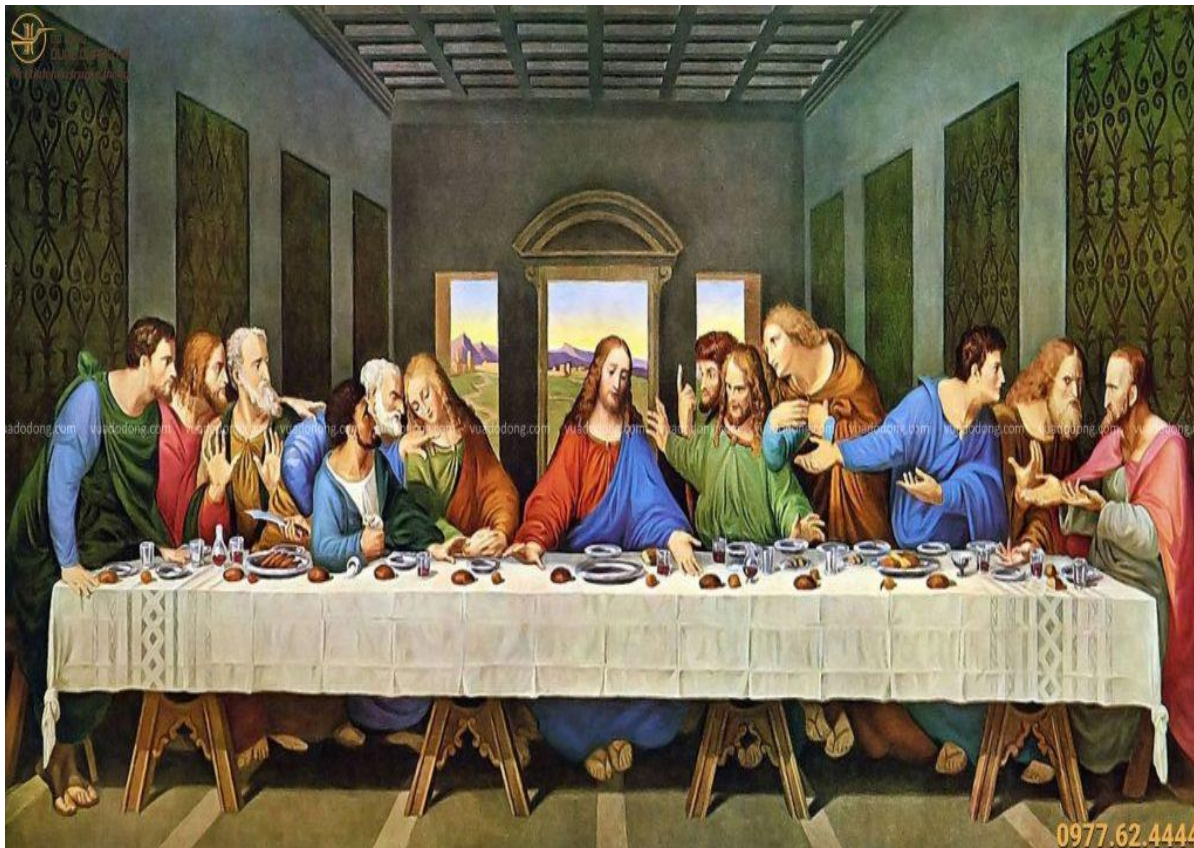
Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình theo bố cục ba phần (HD Thực	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI 1. Thực hành nói - Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần:

hành nói tr.72 SGK): 1. Giới thiệu về <i>Tràng giang</i> – Huy Cận (hoặc một tác phẩm em đã học trong chương trình). 2. Giới thiệu về một bộ phim em thích. 3. Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật mà em biết (Hội họa. điêu khắc, sân khấu, điện ảnh, kiến trúc, vũ đạo,...). - Đọc HD trao đổi, đánh giá để chuẩn bị sau nói, nghe. - Tự đánh giá về bài trình bày theo bảng (Phụ lục 1 bên dưới). Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật. - Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn. - Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, - Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật để HS rút kinh nghiệm. - Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới)	Mở đầu - Triển khai - Kết luận. - Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ. <table border="1" data-bbox="890 259 1481 790"> <tr> <td><i>Mở đầu</i></td><td>Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lí do chọn giới thiệu tác phẩm đó.</td></tr> <tr> <td><i>Triển khai</i></td><td>Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,...) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.</td></tr> <tr> <td><i>Kết luận</i></td><td>Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm.</td></tr> </table> 2. Trao đổi <table border="1" data-bbox="890 837 1481 1507"> <tr> <th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr> <tr> <td> - Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm. - Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến. - Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị. </td><td> - Nêu những vấn đề muốn làm rõ hơn về tác phẩm. - Nêu quan điểm đánh giá khác về tác phẩm (trên tinh thần tranh luận). - Bổ sung thông tin về tác phẩm. - Góp ý với người nói về cách thể hiện bài nói. </td></tr> </table>	<i>Mở đầu</i>	Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lí do chọn giới thiệu tác phẩm đó.	<i>Triển khai</i>	Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,...) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.	<i>Kết luận</i>	Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm.	Người nói	Người nghe	- Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm. - Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến. - Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị.	- Nêu những vấn đề muốn làm rõ hơn về tác phẩm. - Nêu quan điểm đánh giá khác về tác phẩm (trên tinh thần tranh luận). - Bổ sung thông tin về tác phẩm. - Góp ý với người nói về cách thể hiện bài nói.
<i>Mở đầu</i>	Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lí do chọn giới thiệu tác phẩm đó.										
<i>Triển khai</i>	Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,...) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.										
<i>Kết luận</i>	Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm.										
Người nói	Người nghe										
- Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm. - Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến. - Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị.	- Nêu những vấn đề muốn làm rõ hơn về tác phẩm. - Nêu quan điểm đánh giá khác về tác phẩm (trên tinh thần tranh luận). - Bổ sung thông tin về tác phẩm. - Góp ý với người nói về cách thể hiện bài nói.										

PHỤ LỤC 1

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.		
2	Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.		
3	Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.		
4	Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.		
5	Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.		

PHỤ LỤC 2**Bài tham khảo: Giới thiệu bức danh họa “Bữa tiệc cuối cùng”- Leonardo da Vinci**

“Bữa tiệc cuối cùng” hay “Bữa tiệc ly” là bức bích họa vô cùng nổi tiếng của danh họa Leonardo da Vinci. Tác phẩm được sáng tác vào khoảng năm 1495 – 1498, miêu tả trai phòng của Tu viện Santa Maria ở thành phố Milano.

Theo câu chuyện được kể lại, Leonardo Da Vinci đã phải mất 7 năm để có thể hoàn thành bức tranh. Khi bắt đầu vẽ, Da Vinci đã vẽ chúa Jesus đầu tiên. Thời gian sau đó, ông lần lượt hoàn thành hình ảnh của 11 vị tông đồ trong bức tranh. Tuy nhiên, còn 1 người cuối cùng vẫn chưa được Ông vẽ đó chính là kẻ phản bội: Judas Iscariot.

Ban đầu, Leonardo Da Vinci muốn tìm một mẫu người đê tiện, hèn hạ nhất của đáy xã hội để vẽ Judas. Cuối cùng, sau hơn 6 năm tìm kiếm, ông đã tìm thấy hình mẫu cho Judas tại nhà ngục của Roma. Sau khi được nhà vua cho phép, tên tội phạm đã được hoãn ngày thi hành án để đến làm mẫu cho Da Vinci. Sau 6 tháng ròng rã vẽ Judas, bức tranh cuối cùng cũng đã được hoàn thành, tên tử tù phải bị đưa đi hành quyết.

Đến lúc này, hân khóc lóc lao đến chỗ Leonardo Da Vinci, hỏi ông rằng có còn nhớ hân không. Lúc này ông mới nhận ra một sự thật trớ trêu là kẻ được chọn làm hình mẫu bỉ ổi, đê tiện cho Judas lại chính là người thanh niên đẹp đẽ mà 7 năm trước được ông chọn để làm hình tượng cho Chúa Jesus. Một hình tượng hoàn hảo lúc trước sau cùng đã trở thành kẻ đồi bại.

Hiện nay, bức họa gốc đã bị biến đổi nhiều bởi sự hư hại cũng như qua các lần phục chế. Ngày nay, các bức tranh bữa tiệc cuối cùng đều được chế tác dựa trên các hình ảnh lưu

lại được cũng như các dị bản. Gia chủ có thể lựa chọn các mẫu tranh đồng, tranh sơn dầu,... để có thể trang trí trong gia đình.

Bữa tiệc ly là thời điểm cuối cùng Chúa Jesus cùng ngồi ăn với các môn đồ của mình trước khi ngài bị chính quyền La Mã bắt và đóng đinh lên thập tự giá.

Bức tranh bữa tiệc ly là hình ảnh mô tả lại một đoạn trong sách Kinh Thánh rằng: Judas – một trong số các môn đồ của Chúa Jesus – đã tố giác Thầy của mình với nhà cầm quyền La Mã để đổi lấy 30 thỏi bạc. Ở bữa ăn cuối cùng này, Chúa Jesus đã nói với các môn đồ của mình rằng: “Trong các người có kẻ muốn bán rả ta”.

Mười hai môn đồ ngồi trên bàn ăn, mỗi người mang một vẻ mặt khác nhau, biểu hiện những thái độ khác nhau với lời nói của Jesus. Có 3 người thì thầm với nhau, ba người lại tỏ vẻ giận dữ, một người lộ vẻ nghi ngờ, một người khác lại tỏ ra ngạc nhiên. Có 2 người lại để lộ vẻ xúc động, một người ngồi ngay ngắn tỏ lòng trung thành. Riêng chỉ có một môn đồ mặt tái nhợt, lưng hơi ngả về phía sau, tay nắm chặt túi tiền - đó chính là kẻ phản bội Judas.

Ngoài ra, trong bức tranh, chúng ta còn có thể thấy rằng tay phải của Chúa đang với tới một chiếc bánh mì, tay trái cũng đang hướng tới chiếc bánh mì khác. Điều này đã được nhắc đến trong Kinh Thánh, là do Chúa Jesus đã tiên tri rằng kẻ phản Chúa sẽ lấy bánh mì vào cùng thời điểm với ngài. Mà vào lúc chúa Jesus đang lấy bánh mì thì Judas cũng đã đưa tay ra lấy bánh, cũng chính là cái bánh mì mà tay phải của Chúa Jesus đang với tới. Từ đó, Judas chính là kẻ phản bội ứng nghiệm với lời tiên tri của Chúa.

Nếu để ý kỹ, chúng ta có thể thấy sau lưng Judas là một khoảng tối trong khi sau lưng chúa Jesus là hình ảnh cửa sổ đầy ánh sáng. Những tia sáng chiếu vào gương mặt Jesus làm ánh lên vẻ hiền từ, điềm tĩnh và cương nghị. Sự tương phản này chính là sự biểu đạt cho sự căm thù của tác giả đối với gian ác, cũng như sự ngưỡng vọng đối với chính nghĩa.

Một phát hiện về những tài liệu trong khoảng thời gian Leonardo Da Vinci vẽ bức tranh vào năm 1800 đã để lộ ra danh tính của những người trong tranh. Danh tính của 12 vị môn đồ này gồm có: John, Peter, Judas, Andrew, Jame (nhỏ), Bartholomew, Thomas, James (lớn), Philip, Matthew, Thaddeus và Simon.

Trong bức tranh, Jesus ngồi giữa, những tông đồ của ông ngồi thành 4 nhóm tượng trưng cho 4 loại người trên bàn ăn:

– **Nhóm người sợ hãi:** Bartholomew, James “Nhỏ” và Andrew. 3 người này ngồi ở phía bên trái ngoài cùng của bức tranh, tức là bên tay phải của Chúa. Cả 3 người họ đều tỏ ra một vẻ mặt vô cùng kinh sợ.

– **Nhóm người gây nhiều tranh cãi:** Judas, Peter, John. Peter biểu lộ sự tức giận khó kiềm chế được, trong tay cầm một con dao, nói chuyện với John. Trong khi John thì có vẻ như đang bị sốc đến mức gần ngất đi. Judas thì lại biểu lộ nét sợ hãi khi nghe lời tiên tri, trong tay nắm chặt một túi tiền.

– **Nhóm người nghi ngờ:** Thomas, James “Lớn”, Philip. Thomas trông có vẻ rất buồn, khuôn mặt tỏ rõ sự ngờ vực còn James tỏ vẻ bất ngờ đến mức không thể tin được, đôi tay ông dang rộng ra. Trong khi đó, Philip có vẻ như muốn xin Chúa giải thích để bày tỏ lòng trung thành của mình.

– **Nhóm người tranh luận:** Matthew, Thaddeus và Simon. Đây là nhóm 3 người ngồi ở phía cuối dãy bàn, góc phải bức tranh. Dường như họ đang tranh luận cùng nhau để xem ai là kẻ mà Jesus đang nói tới.

Da Vinci đã dành rất nhiều thời gian và công sức để vẽ nên bức tranh và mô tả những người ở bên cạnh chúa Jesus. Cục diện bàn ăn chính là hình ảnh ẩn dụ cho mức độ thân tình và gắn bó của những nhân vật trong tranh. Thế nhưng, trên bàn ăn đó không hề có hình ảnh vui vẻ và nụ cười mà chỉ có câu nói của Chúa Jesus: “Trong các người có kẻ muốn bán rẻ ta”.

Bức tranh là một xã hội thu nhỏ, cho ta thấy rất nhiều mặt xấu xí trong cuộc sống. Những nhóm người ngồi trên bàn ăn cũng chính là những người mà tất cả chúng ta đều phải đối mặt. Đó là kẻ phản bội hay trung thành, là kẻ hèn nhát hay ngốc nghếch, đều rất khó để nhận thấy.

Tuy nhiên nổi bật hơn trong tranh lại là khuôn mặt điềm tĩnh của chúa Jesus, ngay cả khi Người đang thốt lên câu nói đau lòng nhất. Đó là hình ảnh thể hiện rõ nhất cho câu nói “thứ giúp cho bạn có thể đứng trên bậc cao nhất của cuộc sống chính là thái độ của chính bạn”. Cũng giống như cái cách mà Leonardo Da Vinci đã vẽ kẻ phản bội vẫn được ngồi cùng bàn với Chúa Jesus vậy. Sống không phải là tìm cách loại bỏ, mà đó chính là sự dũng cảm đối mặt!

Bức tranh bữa tiệc cuối cùng không chỉ là một bức tranh. Mà câu chuyện đằng sau nó nói với chúng ta rằng bản chất con người không phải thứ cố định. Một chân dung đẹp đẽ, nhân hậu, được lựa chọn kỹ càng từ hàng vạn người, nhưng rốt cuộc vẫn có thể trở thành một hình nhân dối trá, hèn hạ, đê tiện, tận đáy xã hội.

Ngày hôm nay, bạn có thể là một người rất đẹp đẽ, nhưng ngày mai, không ai có thể nói trước rằng bạn sẽ thay đổi ra sao. Bạn tốt hay xấu không phải được quyết định trong một ngày bạn sống. Vì thế, đừng bao giờ quên trở thành người tốt và cũng đừng bao giờ bỏ cuộc khi hôm nay bạn lỡ là người xấu. Tương lai không hề được định trước mà chính chúng ta là người quyết định số phận của chính mình.

Bức tranh bữa tiệc cuối cùng của Leonardo Da Vinci là một tuyệt tác mà ông để lại cho nhân loại. Bức tranh không chỉ mang hơi thở nghệ thuật của thời kỳ Phục Hưng mà ẩn sâu trong tranh còn là những câu chuyện, những ý nghĩa về cuộc sống vô cùng quý giá.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm khám phá nghệ thuật: Phục Hưng, Ánh sáng, Tượng trưng, Siêu thực, Hiện đại,... hoặc văn học, hội họa, điêu khắc, điện ảnh, kiến trúc,... hoặc theo sở thích cá nhân,...

c. Sản phẩm: Các bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu các trào lưu nghệ thuật nổi tiếng thế giới.

- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề chẳng hạn như:

1. Giới thiệu một tác phẩm Phục Hưng (hoặc Ánh sáng, Tượng trưng, Siêu thực, Hiện đại,...)
2. Giới thiệu một bộ phim em yêu thích.
3. Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật để lại cho em ấn tượng sâu đậm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức buổi trao đổi trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.

HS chuyển tài liệu qua đường link:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSf_8LNicDuVKr7LE6D6BvCaeHPPK1bUf0l6KLeWKgriLbOOEg/viewform?usp=sf_link

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kỹ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 2)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?

Câu 2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3. Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì? Hãy kể tên một số bài thơ có yếu tố tượng trưng mà bạn đã tìm đọc thêm.

Câu 4. Chọn phân tích một bài thơ hoặc một câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.

Câu 5. Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Bài học đã đưa lại những hiểu biết mới về thơ:

- Cấu tứ trong thơ.
- Yếu tố tượng trưng trong thơ.

- Ngôn ngữ trong thơ (một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường).

Câu 2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của bài thơ góp phần xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, giúp hiểu được nhận thức, cảm xúc, cảm giác của tác giả về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó.

Câu 3.

- Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể:

+ Tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,...

+ Việc sử dụng biểu tượng, hình ảnh nghệ thuật so sánh, ẩn dụ,...

+ Sự sáng tạo về ngôn từ.

+ Tính nhạc trong thơ.

- Một số bài thơ có yếu tố tượng trưng: *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Xuân tượng trưng* (Bích Khê), *Tiếng thu* (Lưu Trọng Lư), *Đêm mưa gió* (Thế Lữ), *Đầy thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử) *Màu thời gian* (Đoàn Phú Tứ),...

Câu 4.

VD1:

*Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.*

- Hai câu thơ mở đầu của khổ thơ thứ hai, tuy là tả cảnh nhưng khi đọc lên lại thấy nhuốm màu tâm trạng. Hình ảnh thiên nhiên gợi ra sự chia ly “gió theo lối gió, mây đường mây”. Nếu trong tự nhiên, gió và mây vốn là những sự vật luôn quấn quýt, gắn bó với nhau thì ở đây Hàn Mặc Tử lại để “mây và gió” chia cách đôi ngả. Và đến cả dòng nước - một sự vật vô tri, vô giác nhưng qua cái nhìn của nhà thơ giờ đây cũng có cảm xúc. Dòng nước “buồn thiu” - biện pháp tu từ nhân hóa khiến con sông giống như một con người, có tâm trạng. Cuối cùng là hình ảnh “hoa bắp lay”. - bông hoa bắp nhỏ bé trôi theo dòng nước cũng giống như cuộc đời lưu lạc trôi nổi của con người.

- Và bức tranh sông nước trong đêm trăng thì sao có thể thiếu mất đi ánh trăng:

*“Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?”*

“Trăng” đã trở thành một biểu tượng quen thuộc của thi ca. Ở đây, “sông trăng” mang tính tượng trưng, gợi ra hình ảnh ánh trăng vàng in bóng xuống mặt nước. Ánh trăng lan tỏa ra khắp dòng sông tạo nên một dòng sông trăng. Kết thúc khổ thơ là câu hỏi tu từ “Có chở trăng về kịp tối nay?”. Từ “kịp” được tác giả sử dụng nhằm thể hiện tâm trạng lo âu. Bởi với một người bình thường, nếu không kịp trở về vào “tối nay” thì sẽ còn những đêm khác, Còn với Hàn Mặc Tử, thì đêm nào cũng có thể là đêm cuối cùng.

VD2: Đoạn thơ trích trong bài “Màu thời gian” - Đoàn Phú Tứ:

*Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngắt
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh*

Phân tích:

- *Thời gian* trong bài thơ là tượng trưng. Nó không phải thời gian vật lí mà là thời gian tâm trạng, thời gian của sự trầm tư.

- Màu tím tượng trưng cho tình yêu, cho sự thủy chung của tác giả.
- *Màu thời gian và hương thời gian* gợi liên tưởng đến màu tình yêu và hương tình yêu: vừa cụ thể, vừa nhiều mộng mơ; vừa trần tục, vừa thanh cao thoát tục.

Câu 5: Chọn văn bản tham khảo: *Từ ấy* - Tố Hữu

I. Mở bài

- Tác giả Tố Hữu
- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Từ ấy*: *Từ ấy* là bài thơ có ý nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng, con đường thi ca của Tố Hữu, là cái mốc đánh dấu thời điểm (1937) và được kết nạp Đảng năm 1938 – Tố Hữu giác ngộ và gặp ánh sáng lí tưởng cộng sản. Đó cũng chính là tuyên ngôn nghệ thuật của Tố Hữu.
- Nội dung chính *Từ ấy*: Tâm nguyện cao đẹp của người thanh niên trẻ trung nhiệt tình cách mạng. Đó là niềm say mê mãnh liệt và vui sướng tràn trề cùng với nhận thức mới về lẽ sống, sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn khi gặp gỡ và được giác ngộ lí tưởng cộng sản.

II. Thân bài

1. Khổ 1: Diễn tả niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng

- Hai câu thơ đầu viết theo bút pháp tự sự: “*Từ ấy trong tôi...*” *Từ ấy*, là lúc nhà thơ mới vào tuổi 18 thật trẻ trung được mặt trời “chân lí” cách mạng soi sáng đường đời. Hình ảnh ẩn dụ “*nắng hạ*” cho nguồn nhiệt lượng cách mạng làm bùng sáng tâm hồn nhà thơ, “*mặt trời chân lí*” là một liên kết đầy sáng tạo giữa hình ảnh và ngữ nghĩa. Câu thơ ca ngợi ánh sáng diệu kỳ của cách mạng. Đó là thứ ánh sáng của tư tưởng cộng sản – ánh sáng của những công bình xã hội, của chân lí xã hội.
- Hai câu thơ sau là một bức tranh vô cùng sinh động: chợt vụt thoát bay bổng, dạt dào cảm hứng lãng mạn. Những vang động và vui tươi tràn ngập trong tâm hồn được so sánh bằng những hình ảnh và âm thanh lấy từ thiên nhiên tạo vật: “*vườn hoa lá*”, “*đậm hương*” “*rộn tiếng chim*”.

2. Khổ 2: Biểu hiện những nhận thức về lẽ sống

- Hai dòng thơ đầu: nhà thơ khẳng định quan niệm mới mẻ về lẽ sống là sự gắn bó hài hòa giữa “*cái tôi*” cá nhân với “*cái ta*” chung của mọi người.
- Động từ “*buộc*” thể hiện ý thức tự nguyện sâu sắc và quyết tâm sắt đá của Tố Hữu để vượt qua “*ranh giới*” của “*cái tôi*” để chan hòa mọi người “*Tôi buộc lòng tôi với mọi người*”.
- Từ đó, tâm hồn nhà thơ vươn đến “*trăm nơi*” (hoán dụ) và “*trang trái*” sẽ chia bằng những đồng cảm sâu sắc, chân thành và tự nguyện đến với những con người cụ thể.
- Hai dòng thơ sau bộc lộ tình yêu thương con người bằng tình yêu giai cấp rõ ràng. Nhà thơ đặc biệt quan tâm đến quần chúng lao khổ “*Để hồn tôi với bao hồn khổ*” và từ đó như một biện chứng mang cái tất yếu là sức mạnh tổng hợp “*Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời*”. Ta cũng gặp điều đó trong thơ Nguyễn Khoa Điềm - nhà thơ trưởng thành trong thời kì chống Mĩ xâm lược: “*khi chúng ta cầm tay mọi người – Đất nước vẹn tròn, to lớn*”.

3. Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ

- Trước khi gặp cách mạng, Tô Hữu là một thanh niên tiểu tư sản. Khi ánh sáng cách mạng như “Mặt trời chân lí chói qua tim”, đã giúp nhà thơ vượt qua những tâm thường ích kỉ trong đời sống tâm hồn chật hẹp để vươn đến một tình yêu “vẹn tròn to lớn”.

- Nhà thơ tự nhận mình “là con của vạn nhà” trong nghĩa đồng bào thiêng liêng nhất; là em của “vạn kiếp phôi pha” gắn gũi bằng tình cảm xót thương những kiếp đời lao khổ, bất hạnh, những kiếp sống mòn mỏi, đáng thương; là anh của “vạn đầu em nhỏ” “cù bất cù bơ”. Từ những cảm nhận ấy đã giúp nhà thơ say mê hoạt động cách mạng với những thiết tha cao đẹp cống hiến đời mình góp phần giải phóng đất nước, giải phóng những kiếp lầm than trong xã hội tăm tối dưới bóng thù xâm lược.

III. Kết bài

- Thơ Tô Hữu chứa chan tình yêu giai cấp và niềm biết ơn sâu sắc cách mạng, hướng người đọc đến chân trời tươi sáng.

- Tiếng nói trong thơ là tiếng nói của một nhà thơ vô sản chân chính, là người thanh niên trẻ trung hướng theo lý tưởng của Đảng, của cách mạng.

- Giọng thơ chân thành và hình ảnh thơ tươi sáng, ngôn ngữ giàu tính dân tộc.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- **Chuẩn bị bài 3:** Cấu trúc của văn bản nghị luận (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Cầu hiền chiếu* – Ngô Thì Nhậm)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....